

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

1



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

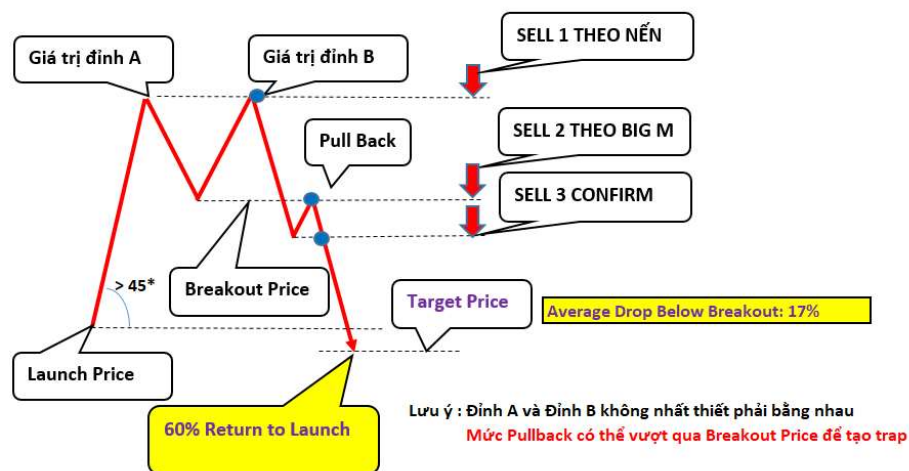
CÁC MÔ HÌNH THƯỜNG GẶP

- 1. Big M vs Big W – M lớn và W lớn**
- 2. Double Bottoms vs Double Tops – Hai đáy và hai đỉnh**
- 3. Flags and Pennants – Cờ và Cờ đuôi nheo**
- 4. Pipe Top vs Pipe Bottom - Ống đáy và Ống đỉnh**
- 5. Rectangle Top vs Rectangle Bottom – Chữ nhật đáy và chữ nhật đỉnh**
- 6. Head and Shoulders bottoms vs Head and Shoulders tops – Vai Đầu Vai ngược và Vai đầu vai**
- 7. Triangles Ascending/Decending – Tam giác giảm giá và tam giác tăng giá**
- 8. Triangles Symmetrical – Tam giác đối xứng**
- 9. Straight Line run UP/Down – Đường thẳng tăng giá và đường thẳng giảm giá**
- 10. Three Falling Peaks/ Three Rising Valleys / 3 đỉnh giảm và 3 đáy tăng**
- 11. Bullish/Bearish Spike – Đỉnh tăng giá / giảm giá**
- 12. Falling/Rising Wedge – Nêm hướng lên / hướng xuống**
- 13. Rounding Bottom/ Rounding Top – Vòng tròn đáy – Vòng tròn đỉnh**

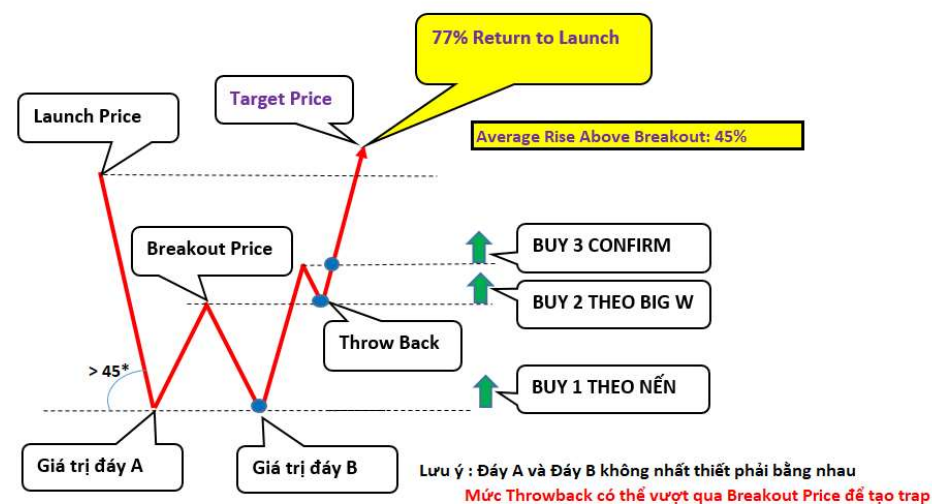
Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

3

1. BIG M VS BIG W



BIG M



BIG W

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

1. BIG M VS BIG W

a. Big M

- **Định dạng**

- Mô hình giảm giá mạnh.
- Về lý thuyết “Big M” bản chất là mô hình Double Tops – 2 đỉnh. Nhưng nếu “Big M” hình thành thì nó có target xa hơn Double Tops trong cả trường hợp thành công và thất bại, góc ở đáy thường $>45^\circ$.
- Đặc điểm nhận dạng: Nhìn giống một chữ M.
- Các điểm quan trọng là điểm “Launch Price” – giá khởi đầu, “Breakout Price” – giá phá vỡ.

- **Cách Hoạt Động**

- Giá sẽ giảm mạnh khi hình thành mô hình “Big M”:

TIP :

- Mô hình được xác nhận khi giá phá vỡ đáy nằm giữa 2 đỉnh, vùng đáy này được gọi là “Breakout Price” – giá phá vỡ. Đây là điểm xác lập điểm bán.
- Hầu hết trường hợp giá thường sẽ xuyên thủng luôn giá “Launch Price” – giá khởi đầu.

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

5

1. BIG M VS BIG W

a. Big M



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

6

1. BIG M VS BIG W

a. Big M

- Hiện tượng pullback:
- Sau khi phá vỡ Breakout Price, tương đương với việc giá vùng đáy giữa lúc trước là hỗ trợ, bây giờ thành kháng cự.
- Giá thường có xu hướng tăng trở lại để kiểm định kháng cự này trước khi tiếp tục xu hướng giảm.
- Trong nhiều trường hợp mức Pullback có thể cao hơn giá Breakout trước đó tạo nên bẫy tăng giá.

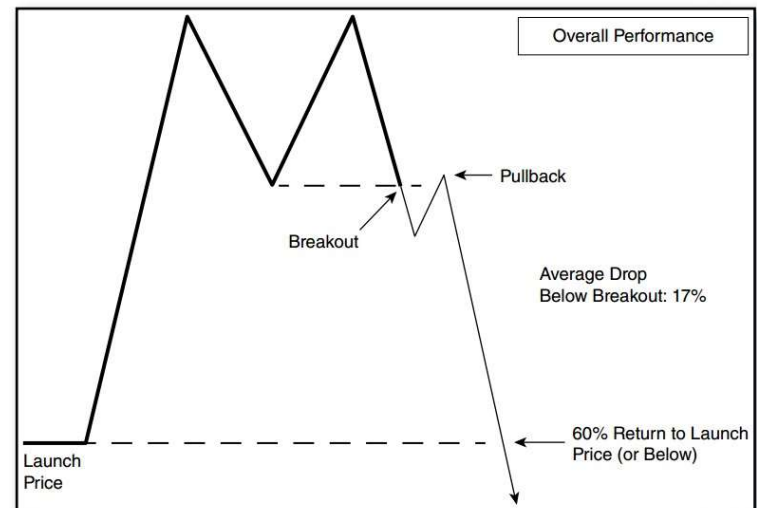


FIGURE 1.1 This is the typical behavior of a big M chart pattern.

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

7

1. BIG M VS BIG W

a. Big M



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

8

1. BIG M VS BIG W

a. Big M

Mô hình "Busted Big M" – tức là sự thất bại của mô hình "Big M". Được hình thành khi giá phá vỡ "Breakout Price", nhưng sau đó giá đột ngột quay lại tăng giá và vượt khỏi vùng đỉnh.

Cách Hoạt Động

- Thông thường mô hình "Busted Big M" được nhận biết khi giá phá vỡ "Breakout Price" nhưng đảo chiều khá sớm và có mức pullback vượt quá 50% mức giảm trước đó.
- Tín hiệu mua được xác lập khi giá phá vỡ qua đỉnh B.

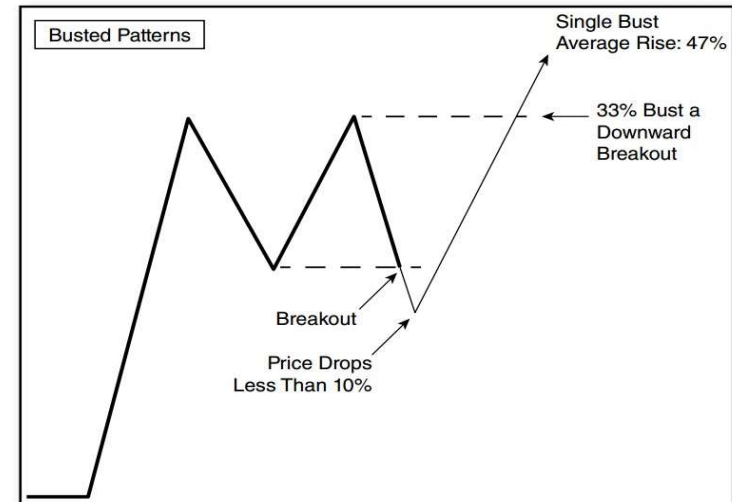
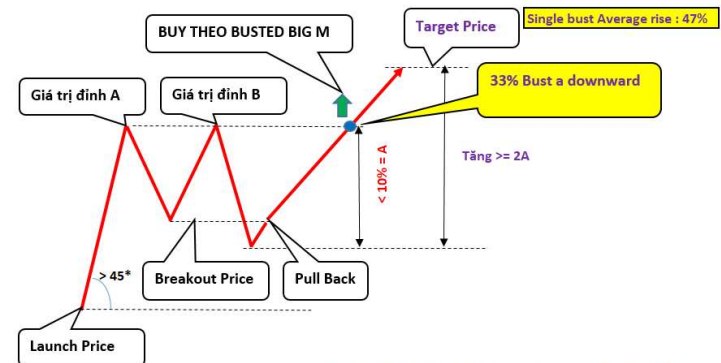


FIGURE 1.3 The average performance of big Ms that bust a downward breakout.



Lưu ý : Đỉnh A và Đỉnh B không nhất thiết phải bằng nhau
Mức Pullback có thể vượt qua Breakout Price rồi đảo để tạo trap

BUSTED BIG M

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

9

1. BIG M VS BIG W

a. Big M



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

10

1. BIG M VS BIG W

b. Big W

○ Định dạng

- Mô hình tăng giá mạnh khi hình thành mô hình “Big W”.
- Về lý thuyết “Big W” bản chất là mô hình Double Bottoms – 2 đáy. Nhưng nếu “Big W” hình thành thì nó có target xa hơn Double Bottoms trong cả trường hợp thành công và thất bại.
- Đặc điểm nhận dạng: Nhìn giống một chữ W.
- Các điểm quan trọng là điểm “Launch Price” – giá khởi đầu, “Breakout Price” – giá phá vỡ.

○ Hiện tượng throwback:

- Sau khi phá vỡ Breakout Price, tương đương với việc giá vùng đỉnh giữa lúc trước là kháng cự, bây giờ thành hỗ trợ.
- Giá thường có xu hướng giảm trở lại để kiểm định hỗ trợ này trước khi tiếp tục xu hướng tăng.

TIP :

- Mô hình được xác nhận khi giá phá vỡ đỉnh nằm giữa 2 đáy, vùng đáy này được gọi là “Breakout Price” – giá phá vỡ. Đây là điểm xác lập điểm mua.
- Hầu hết trường hợp giá thường sẽ vượt luôn giá “Launch Price” – giá khởi đầu.

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

11

1. BIG M VS BIG W

b. Big W



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

12

1. BIG M VS BIG W

b. Big W

- **Mô hình "Busted Big W"** – tức là sự thất bại của mô hình "Big W". Được hình thành khi giá phá vỡ "Breakout Price", nhưng sau đó giá đột ngột quay lại giảm giá và vượt khỏi vùng đáy
- **Cách Hoạt Động**
 - Thông thường mô hình "Busted Big W" được nhận biết khi giá phá vỡ "Breakout Price" nhưng đảo chiều khá sớm và có mức throwback vượt quá 50% mức tăng trước đó.
 - Tín hiệu bán được xác lập khi giá phá vỡ qua đáy B.

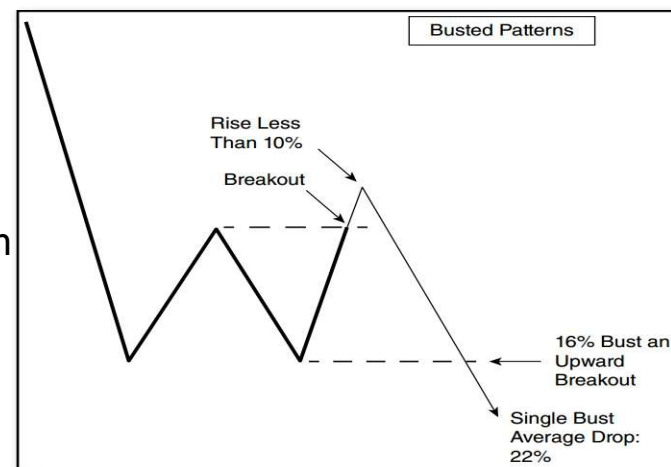
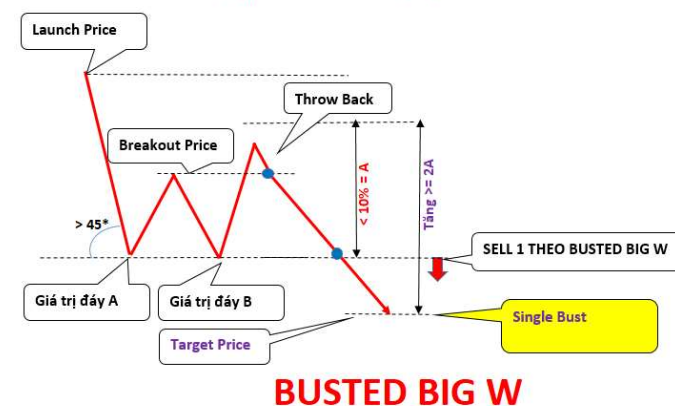


FIGURE 2.3 Performance of busted big Ws.

Lưu ý: Đáy A và Đáy B không nhất thiết phải bằng nhau
Mức Throwback có thể vượt qua Breakout Price để tạo trap



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

13

1. BIG M VS BIG W

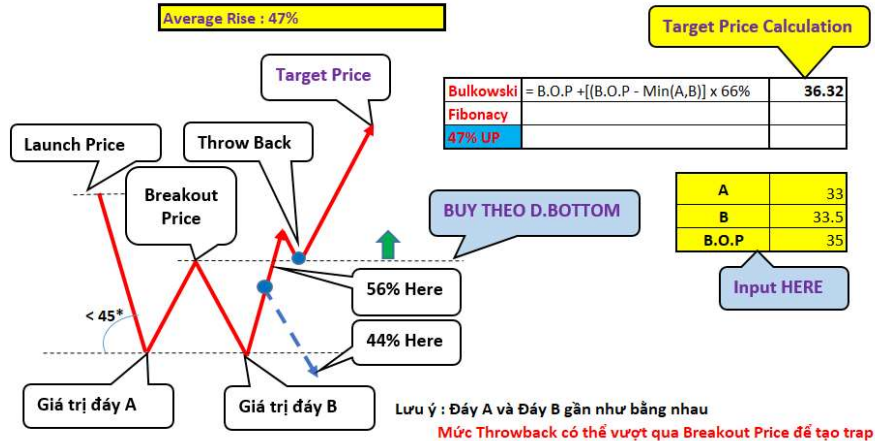
b. Big W



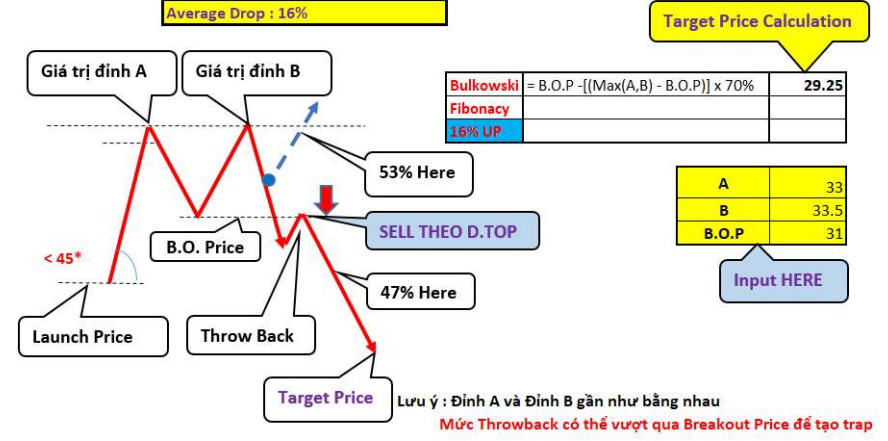
Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

14

2. DOUBLE BOTTOM VS DOUBLE TOP – Hai đáy và hai đỉnh



DOUBLE BOTTOM



DOUBLE TOP

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

15

2. DOUBLE BOTTOM VS DOUBLE TOP – Hai đáy và hai đỉnh

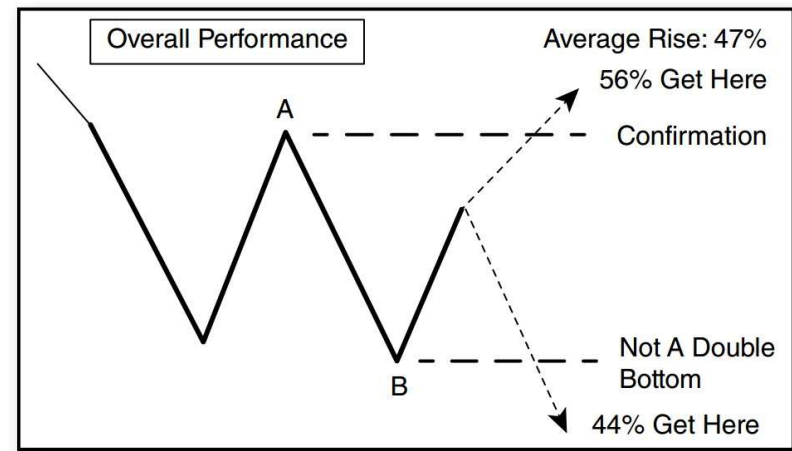
a. Double Bottoms

○ Cách sử dụng

- Là mô hình tăng giá.

Vận động tương tự như “Big W” nhưng có một số lưu ý:

- Mức giá của 2 đáy gần như bằng nhau, mức giá giữa Launch Price và vùng đỉnh giữa khá tương đồng.
- Tín hiệu mua được thiết lập khi giá vượt khỏi đỉnh giữa.



○ Có thể ước lượng mục tiêu mô hình theo công thức của Bulkowski:

Giá mục tiêu = Giá của đỉnh giữa + [(Giá của đỉnh giữa – giá thấp nhất của một trong 2 đáy) x 66%]

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

16

2. DOUBLE BOTTOM VS DOUBLE TOP – Hai đáy và hai đỉnh

a. Double Bottoms

- So sánh độ mạnh yếu các pattern

EVE & EVE

ADAM & EVE

EVE & ADAM

ADAM & ADAM



STRONG PATTERN



WEAK PATTEN

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

17

2. DOUBLE BOTTOM VS DOUBLE TOP – Hai đáy và hai đỉnh

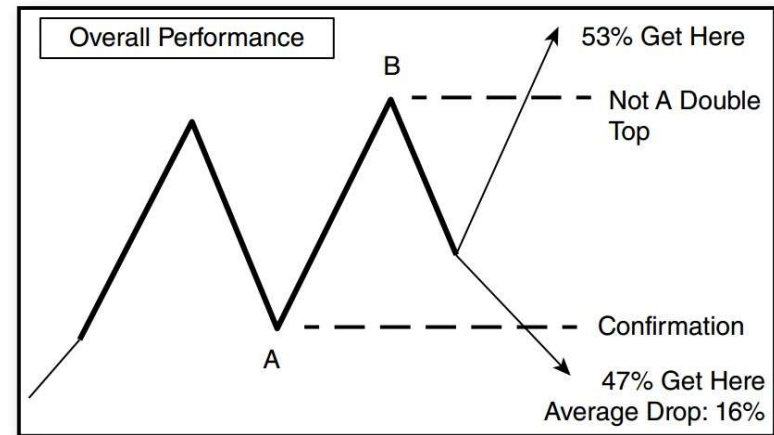
b. Double Top

○ Cách sử dụng

- Là mô hình giảm giá.
- Vận động tương tự như “Big M” nhưng có một số lưu ý:
- Mức giá của 2 đỉnh gần như bằng nhau, nhưng vẫn có nhiều trường hợp đỉnh sau cao hơn hoặc thấp hơn đỉnh trước, mức giá giữa Launch Price và vùng đáy giữa khá tương đồng.
- Tín hiệu bán được thiết lập khi giá vượt khỏi đáy giữa.

○ Có thể ước lượng mục tiêu mô hình theo công thức của Bulkowski:

Giá mục tiêu = Giá của đáy giữa - [(Giá cao nhất của 2 đỉnh – giá của đáy giữa) x 70%]



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

18

2. DOUBLE BOTTOM VS DOUBLE TOP – Hai đáy và hai đỉnh

b. Double Top

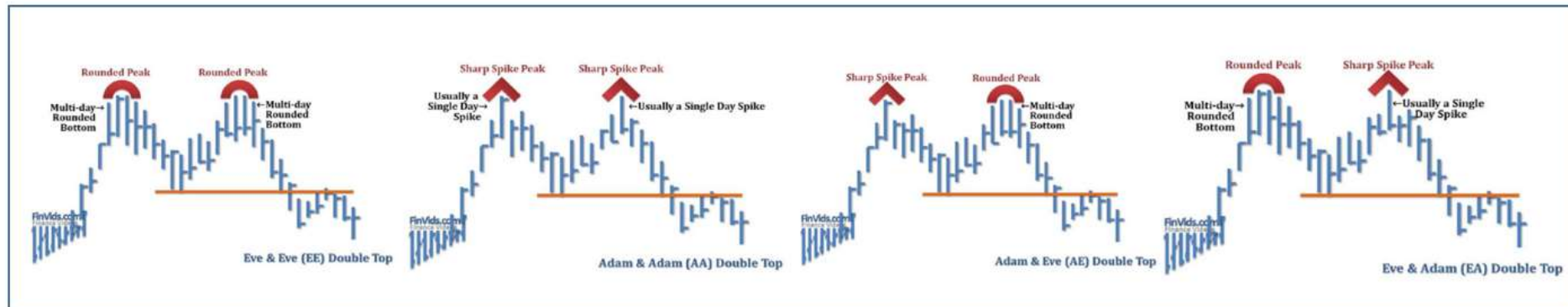
- So sánh độ mạnh yếu các pattern

EVE & EVE

ADAM & ADAM

ADAM & EVE

EVE & ADAM

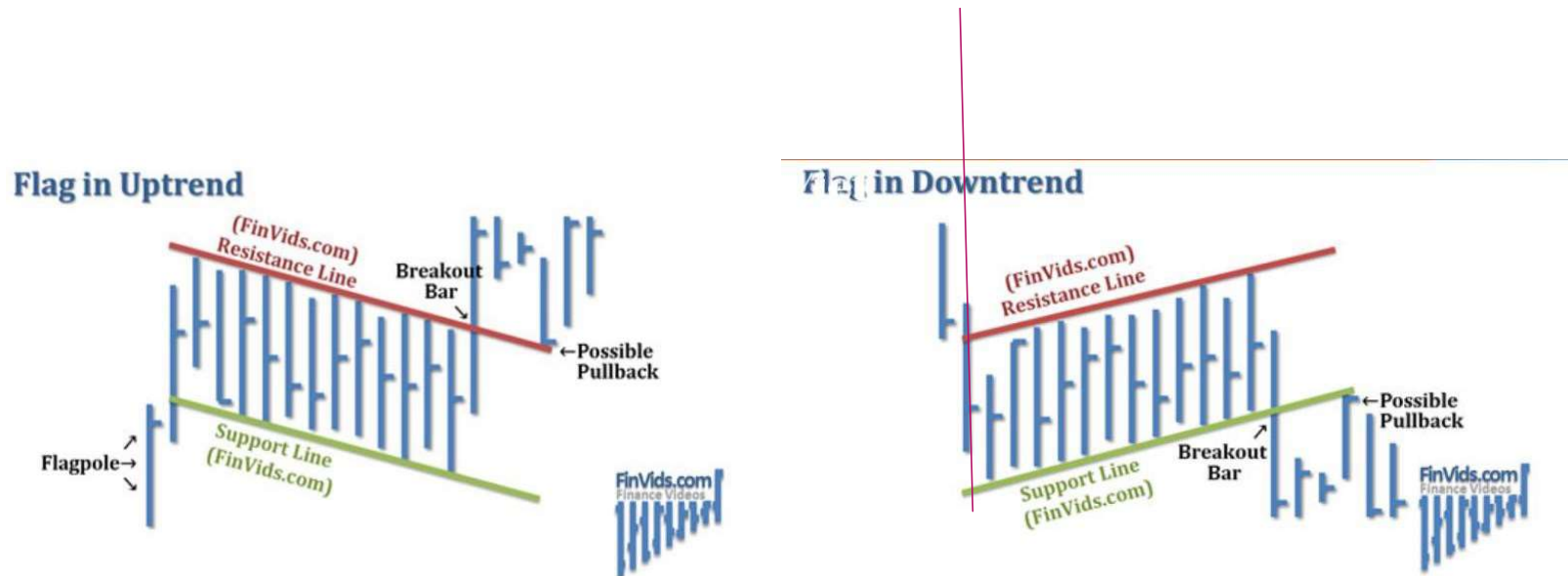


Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

19

3. FLAGS AND PENNANTS – Cờ và Cờ đuôi nheo

a. Flag in UPTREND and Flag in DOWNTREND



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

20

3. FLAGS AND PENNANTS – Cờ và Cờ đuôi nheo

a. Flag in UPTREND and Flag in DOWNTREND

○ Flag In Uptrend

Cách sử dụng

- Là mô hình tăng giá tiếp diễn xu hướng tăng trước đó.
- Phần lá cờ có đường trendline nối các kháng cự và đường trendline nối các hỗ trợ song song nhau hình thành một kênh giá.
- Kênh giá của lá cờ thường hướng xuống hoặc đi ngang.
- Điểm mua khi giá vượt khỏi đường trendline kháng cự

○ Flag In Downtrend

Cách sử dụng

- Là mô hình giảm giá tiếp diễn xu hướng giảm trước đó.
- Phần lá cờ có đường trendline nối các kháng cự và đường trendline nối các hỗ trợ song song nhau hình thành một kênh giá.
- Kênh giá của lá cờ thường hướng lên hoặc đi ngang.
- Điểm bán khi giá vượt khỏi đường trendline hỗ trợ

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

21

3. FLAGS AND PENNANTS – Cờ và Cờ đuôi nheo

a. Flag in UPTREND and Flag in DOWNTREND

○ Flag in Uptrend

Thể hiện

- Có mức tăng trung bình 23% sau khi breakout. Hoạt động tốt khi lá cờ có một góc hướng xuống 45 độ.
- Công thức mô hình theo Bulkowski:

Target giá = Giá thấp của lá cờ + ((Chiều cao của cột cờ) x 64%)

○ Flag In Downtrend

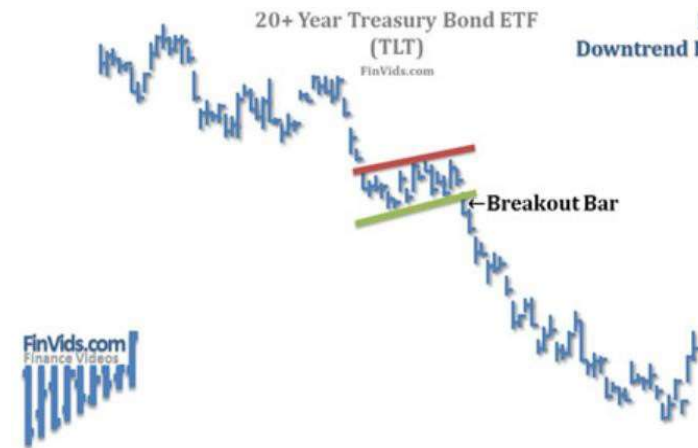
Thể hiện

- Có mức giảm trung bình 19% sau khi breakout.
- Công thức mô hình theo Bulkowski:

Target giá = Giá cao của lá cờ - ((Chiều cao của cột cờ) x 47%)

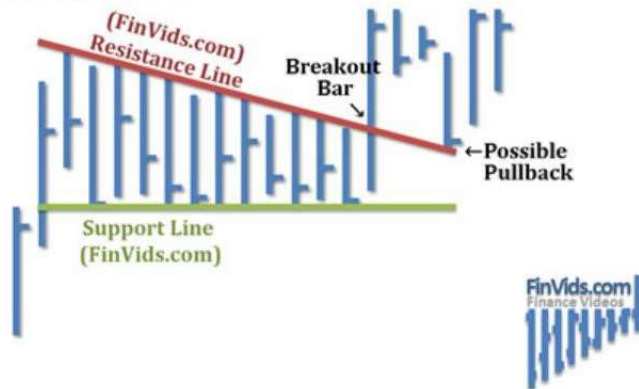
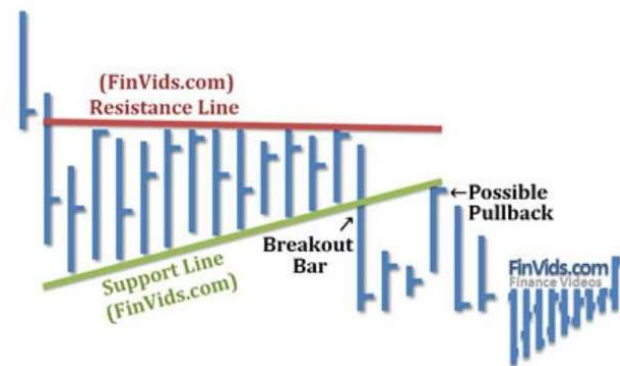
BÀI 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

22

3. FLAGS AND PENNANTS – Cờ và Cờ đuôi nheo**a. Flag in UPTREND and Flag in DOWNTREND****Flag In Uptrend**Flag in an
Uptrend Example**Flag In Downtrend**Flag in a
Downtrend Example

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

23

3. FLAGS AND PENNANTS – Cờ và Cờ đuôi nheo**b. Pennants – Cờ đuôi nheo****Pennant in Uptrend****Pennant in Downtrend**

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

24

3. FLAGS AND PENNANTS – Cờ và Cờ đuôi nheo

b. Pennants – Cờ đuôi nheo

○ Pennants In Uptrend

Cách sử dụng

- Là mô hình tăng giá tiếp diễn xu hướng tăng trước đó.
- Phần lá cờ có đường trendline nối các kháng cự và đường trendline nối các hỗ trợ.
- Trendline kháng cự hướng xuống, trong khi trendline hỗ trợ đi ngang hoặc hướng lên.
- Điểm mua khi giá vượt khỏi đường trendline kháng cự

○ Pennants In Downtrend

Cách sử dụng

- Là mô hình giảm giá tiếp diễn xu hướng giảm trước đó.
- Phần lá cờ có đường trendline nối các kháng cự và đường trendline nối các hỗ trợ.
- Trendline hỗ trợ đi lên, trong khi trendline kháng cự đi ngang hoặc hướng xuống.
- Điểm bán khi giá vượt khỏi đường trendline hỗ trợ

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

25

3. FLAGS AND PENNANTS – Cờ và Cờ đuôi nheo

b. Pennants – Cờ đuôi nheo

○ Pennants In Uptrend

Thể hiện

- Có mức tăng trung bình 25% sau khi breakout.
- Hoạt động tốt khi lá cờ có một góc hướng xuống 45 độ.
- Công thức mô hình theo Bulkowski:

Target giá = Giá thấp nhất của cờ đuôi nheo + ((Độ cao của cột cờ) x 60%)

○ Pennants In Downtrend

Thể hiện

- Có mức giảm trung bình 19% sau khi breakout.
- Công thức mô hình theo Bulkowski:

Target giá = Giá cao của lá cờ - ((Chiều cao của cột cờ) x 47%)

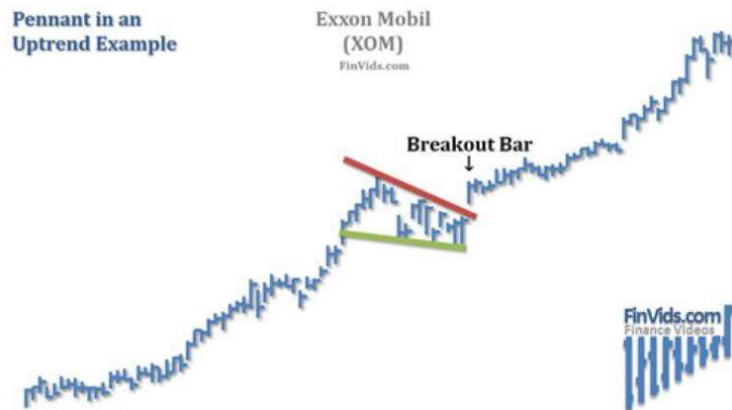
Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

26

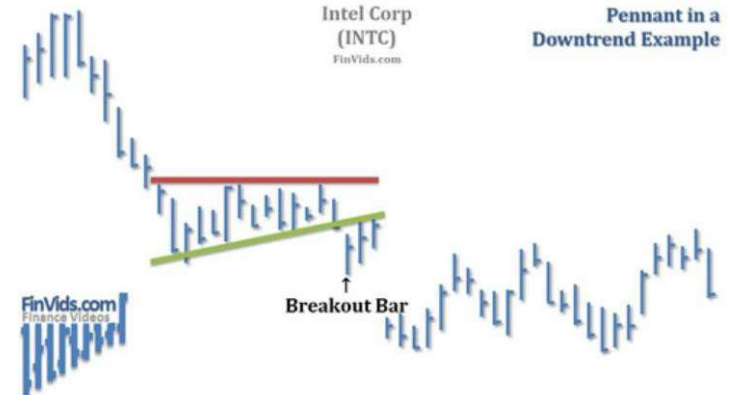
3. FLAGS AND PENNANTS – Cờ và Cờ đuôi nheo

b. Pennants – Cờ đuôi nheo

Pennants In Uptrend



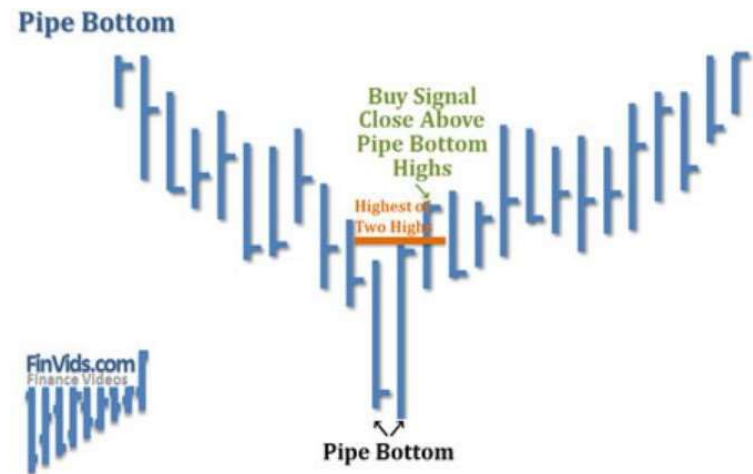
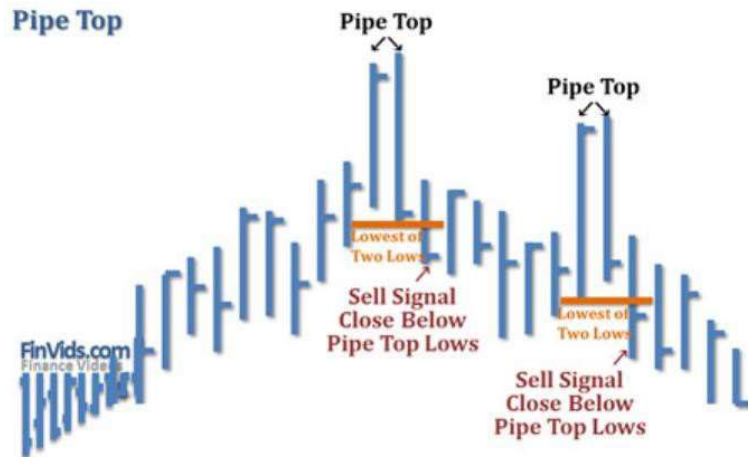
Pennants In Downtrend



BÀI 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

27

4. PIPE TOP AND PIPE BOTTOM – Ống đáy và Ống đỉnh



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

28

4. PIPE TOP AND PIPE BOTTOM – Ống đáy và Ống đỉnh

○ PIPE TOP

Cách sử dụng

- Là mô hình đảo chiều giảm giá sau một xu hướng tăng.
- Đường đi của giá có dạng giống một chữ V ngược.
- Tại nơi hình thành mô hình, thường xuất hiện mô hình nến Tweezers Top
- Tín hiệu bán được thiết lập khi giá thủng giá thấp nhất của 2 nến tại đỉnh chữ V ngược.
- Công thức ước lượng theo Bulkowski:

Target giá = Đáy thấp nhất trong số 2 đáy - ((Đỉnh cao nhất trong số 2 đỉnh – Đáy thấp nhất trong số 2 đáy) x 70%)



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

29

4. PIPE TOP AND PIPE BOTTOM – Ống đáy và Ống đỉnh

○ PIPE BOTTOM

Cách sử dụng

- Là mô hình đảo chiều tăng giá sau một xu hướng giảm.
- Đường đi của giá có dạng giống một chữ V.
- Tại nơi hình thành mô hình, thường xuất hiện mô hình nến Tweezers Bottom.
- Tín hiệu mua được thiết lập khi giá phá vỡ giá cao nhất của 2 nến tại đáy chữ V.
- Công thức ước lượng theo Bulkowski:

Target giá = Đỉnh cao nhất trong số 2 đỉnh + ((Đỉnh cao nhất trong số 2 đỉnh - Đáy thấp nhất trong số 2 đáy) x 83%)

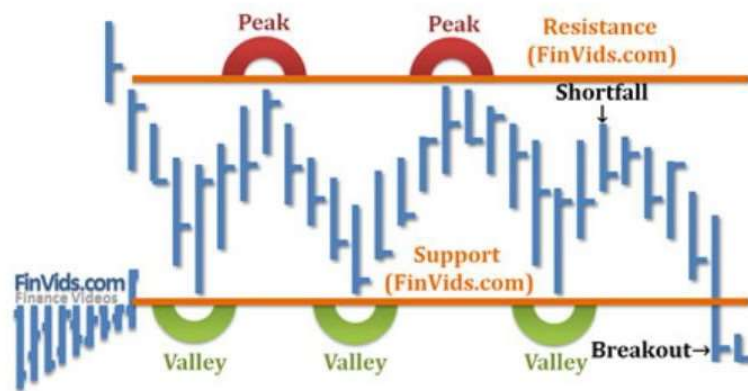


Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

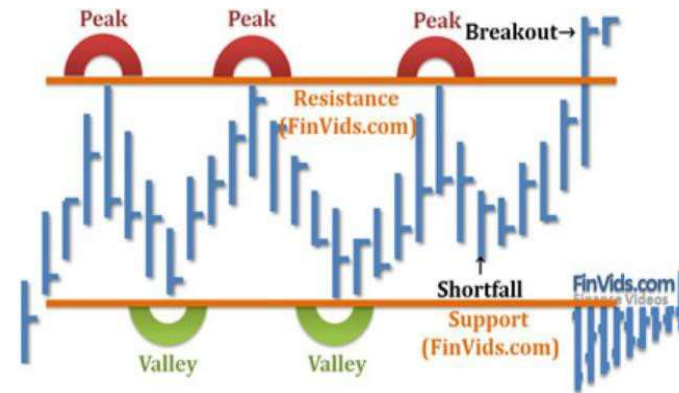
30

5. RECTANGLE TOP VS RECTANGLE BOTTOM – Chữ nhật đáy và chữ nhật đỉnh

Rectangle Bottom



Rectangle Top



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

31

5. RECTANGLE TOP VS RECTANGLE BOTTOM – Chữ nhật đáy và chữ nhật đỉnh

○ RECTANGLE TOP

- Là mô hình tăng giá tiếp diễn xu hướng tăng trước đó.
- Mô hình có dạng một kênh giá song song theo dạng hình chữ nhật. Với 3 đỉnh ở cạnh trên và 2 đáy ở cạnh dưới.
- Sau khi hình thành đỉnh thứ 3 theo đường chéo hình chữ nhật. Giá có xu hướng hiệu chỉnh về Fibonacci thoái lui 38.2 – 61.8% của mức tăng trước đó. Tại điểm đó giá có xu hướng tăng trở lại, hình thành điểm mua 1.
- Điểm mua 2 sau khi giá breakout thành công cạnh trên hình chữ nhật.
- Có tỉ lệ phá thành công cạnh trên hình chữ nhật là 68% mở ra xu hướng tăng tiếp diễn, và tỉ lệ phá cạnh dưới hình chữ nhật là 32% hình thành xu hướng giảm theo dạng "Busted Rectangle Top".
- Công thức ước lượng theo Bulkowski:

Giá breakout lên trên: Target giá = Đỉnh của Rectangle + ((Đỉnh của Rectangle – đáy của Rectangle) x 80%)

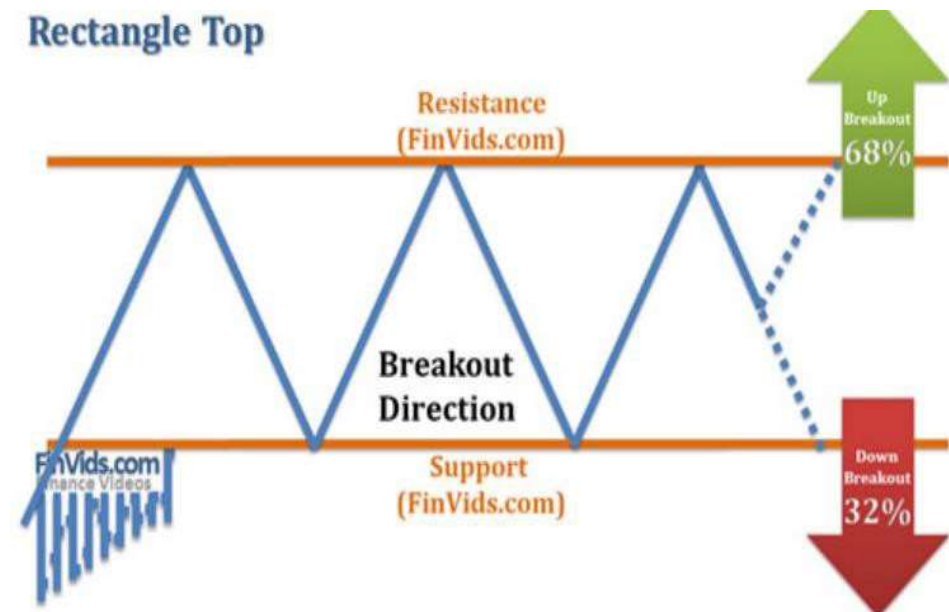
Giá breakout đi xuống: Target giá = Đáy của Rectangle – ((Đỉnh của Rectangle – Đáy của Rectangle) x 63%)

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

32

5. RECTANGLE TOP VS RECTANGLE BOTTOM – Chữ nhật đáy và chữ nhật đỉnh

○ RECTANGLE TOP



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

33

5. RECTANGLE TOP VS RECTANGLE BOTTOM – Chữ nhật đáy và chữ nhật đỉnh

RECTANGLE BOTTOM

- Là mô hình giảm giá tiếp diễn xu hướng giảm trước đó.
- Mô hình có dạng một kênh giá song song theo dạng hình chữ nhật. Với 3 đáy ở cạnh dưới và 2 đỉnh ở cạnh trên.
- Sau khi hình thành đáy thứ 3 theo đường chéo hình chữ nhật. Giá có xu hướng hiệu chỉnh về Fibonacci thoái lui 38.2 – 61.8% của mức giảm trước đó. Tại điểm đó giá có xu hướng giảm trở lại, hình thành điểm bán 1.
- Điểm bán 2 sau khi giá breakout thành công cạnh dưới hình chữ nhật.
- Có tỉ lệ phá cạnh trên hình chữ nhật là 45% mở ra xu hướng tăng mới theo dạng “Busted Rectangle Bottom”, và tỉ lệ phá cạnh dưới hình chữ nhật là 55% hình thành xu hướng giảm tiếp diễn.
- Công thức ước lượng theo Bulkowski:

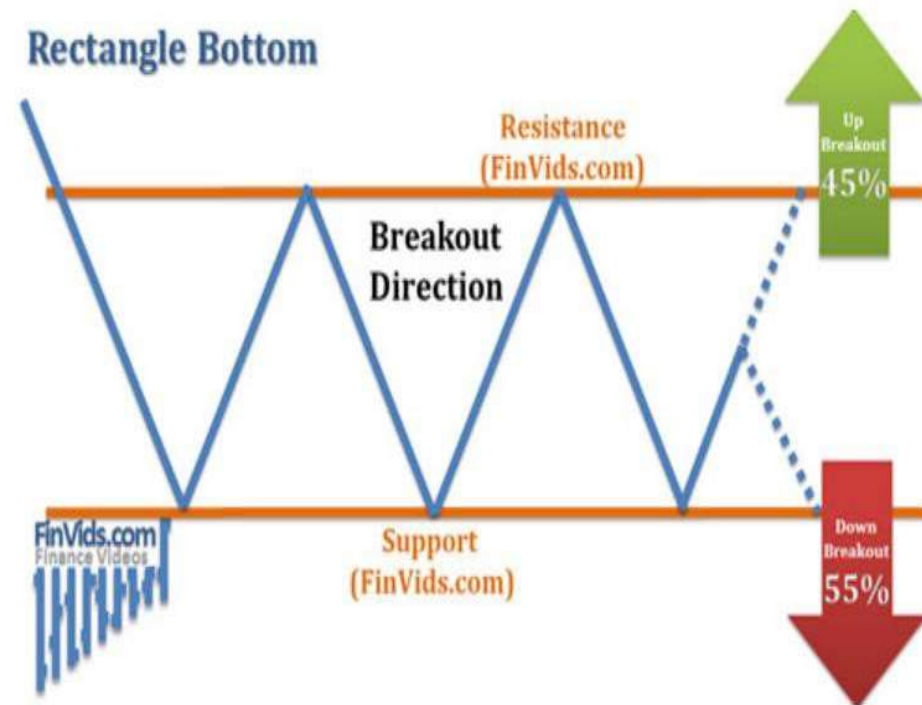
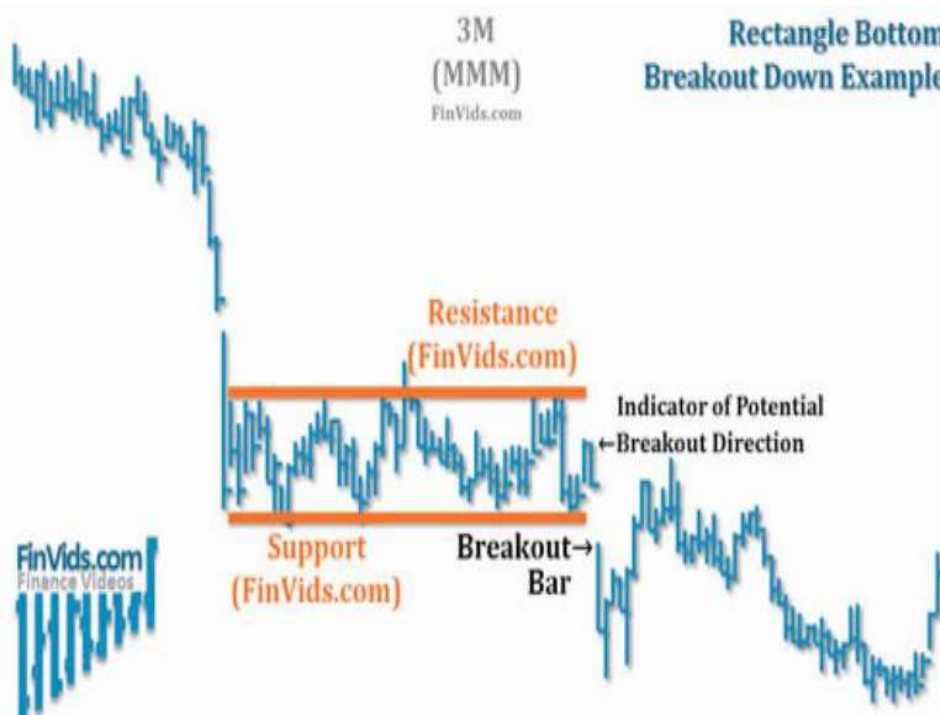
Giá breakout lên trên: Target giá = Đỉnh của Rectangle(HCN) + ((Đỉnh của Rectangle – đáy của Rectangle) x 85%)

Giá breakout đi xuống: Target giá = Đáy của Rectangle – ((Đỉnh của Rectangle – Đáy của Rectangle) x 50%)

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

34

5. RECTANGLE TOP VS RECTANGLE BOTTOM – Chữ nhật đáy và chữ nhật đỉnh



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

35

5. RECTANGLE TOP VS RECTANGLE BOTTOM – Chữ nhật đáy và chữ nhật đỉnh

RECTANGLE BOTTOM



CTCP Tập đoàn Hòa Phát

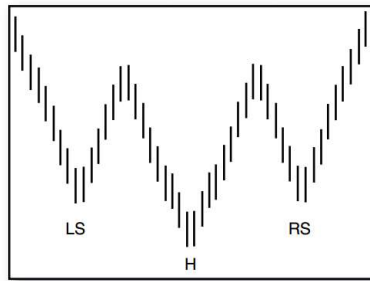
Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

36

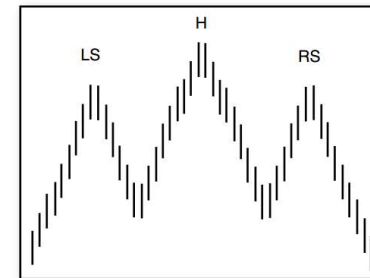
6. HEAD AND SHOULDERS BOTTOMS VS HEAD AND SHOULDERS TOPS –

Vai Đầu Vai ngược và Vai đầu vai

Head-and-Shoulders Bottoms



Head-and-Shoulders Tops

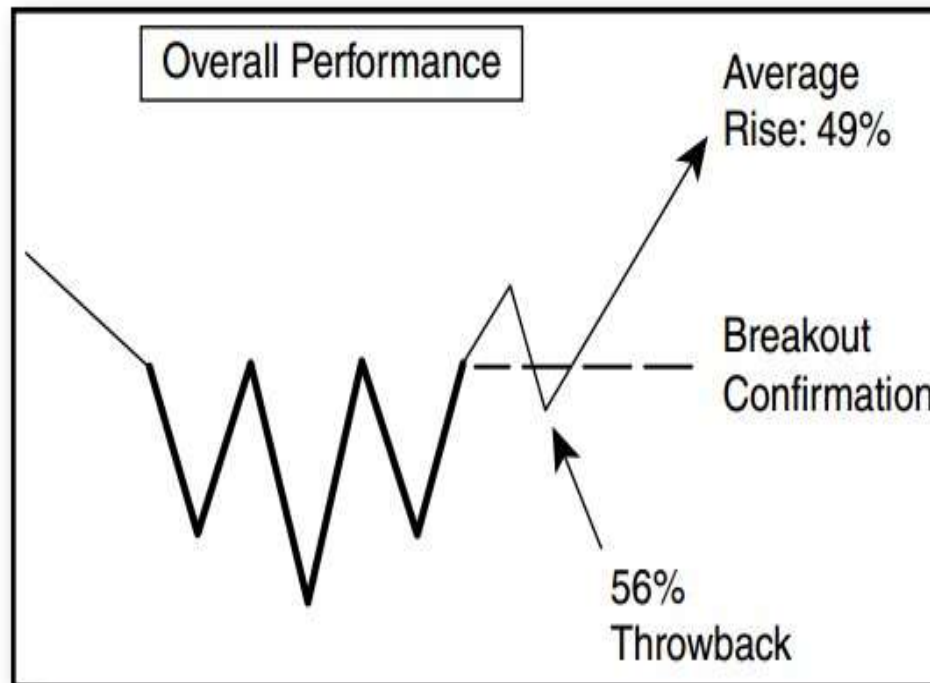


Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

37

6. HEAD AND SHOULDERS BOTTOMS VS HEAD AND SHOULDERS TOPS –**Vai Đầu Vai ngược và Vai đầu vai**

HEAD AND SHOULDER BOTTOM (V-D-V ngược)



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

38

6. HEAD AND SHOULDERS BOTTOMS VS HEAD AND SHOULDERS TOPS –

Vai Đầu Vai ngược và Vai đầu vai

HEAD AND SHOULDER BOTTOM (V-D-V ngược)

- Là mô hình đảo chiều tăng giá.
- Mô hình có dạng vai đầu vai đảo ngược. Là mô hình có 3 đáy trong đó đáy giữa thấp hơn 2 đáy còn lại.
- Phần đáy vai trái và vai phải có mức giá gần tương đồng và đối xứng qua phần đáy đầu.
- **Khối lượng giao dịch thường lớn nhất ở phần đầu, sau đó là đến vai trái.**
- Điểm “Neckline” – đường viền cổ, là đường trendline nối giữa nách của vai trái và nách của vai phải.

Mô hình xác nhận khi giá phá vỡ qua đường viền cổ, hoặc khi giá đóng nến phía trên điểm nách của vai phải.

- Giá có xu hướng pullback về đường viền cổ sau khi breakout, sau đó tiếp tục xu hướng tăng.
- Mức tăng tối đa của mô hình là 48% sau khi breakout.

Công thức theo Bulkowski:

- $\text{Target giá} = \text{Giá phá vỡ} + ((\text{Giá đường cổ} - \text{Giá thấp nhất ở đầu}) \times 74\%)$

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

39

6. HEAD AND SHOULDERS BOTTOMS VS HEAD AND SHOULDERS TOPS –

Vai Đầu Vai ngược và Vai đầu vai

HEAD AND SHOULDER BOTTOM (V-D-V ngược)



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

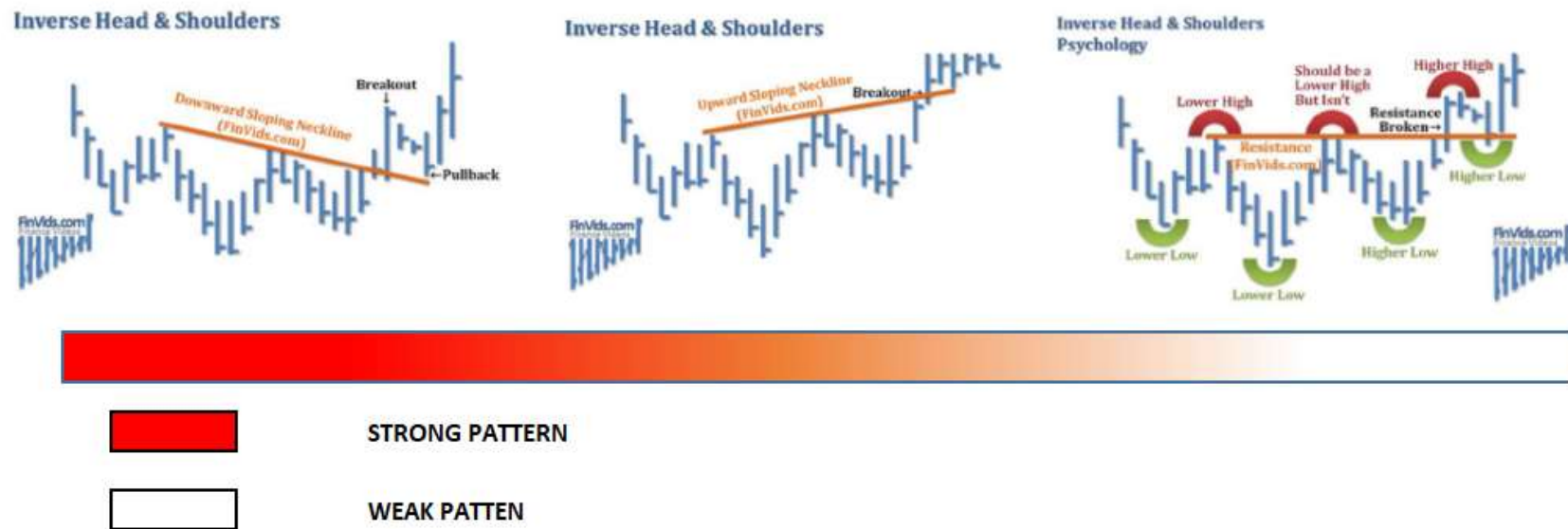
40

6. HEAD AND SHOULDERS BOTTOMS VS HEAD AND SHOULDERS TOPS –

Vai Đầu Vai ngược và Vai đầu vai

HEAD AND SHOULDER BOTTOM (V-D-V ngược)

Độ mạnh của các loại mô hình V-D-V ngược



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

41

6. HEAD AND SHOULDERS BOTTOMS VS HEAD AND SHOULDERS TOPS –

Vai Đầu Vai ngược và Vai đầu vai

HEAD AND SHOULDER TOP (V-D-V)

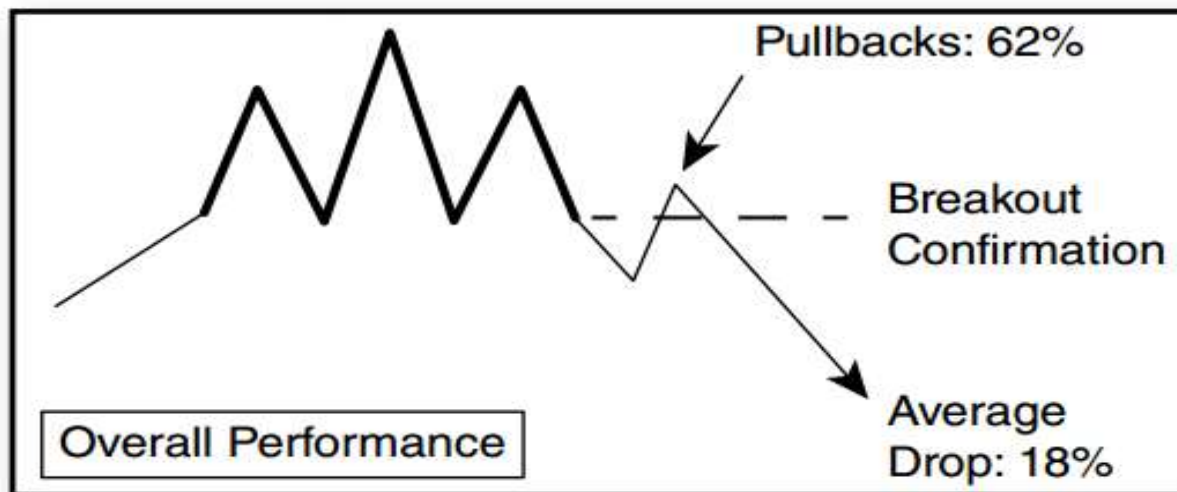


FIGURE 10.1 The average behavior of a head-and-shoulders top.

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

42

6. HEAD AND SHOULDERS BOTTOMS VS HEAD AND SHOULDERS TOPS –

Vai Đầu Vai ngược và Vai đầu vai

HEAD AND SHOULDER TOP (V-D-V)

- Là mô hình đảo chiều giảm giá.
- Mô hình có dạng vai đầu vai. Là mô hình có 3 đỉnh trong đó đỉnh giữa cao hơn 2 đỉnh còn lại.
- Phần đỉnh vai trái và vai phải có mức giá gần tương đồng và đối xứng qua phần đỉnh đầu.
- Khối lượng giao dịch thường lớn nhất ở phần vai trái, sau đó đến đầu, cuối cùng đến vai phải.
- Điểm "Neckline" – đường viền cổ, là đường trendline nối giữa nách của vai trái và nách của vai phải.
- Mô hình xác nhận khi giá phá vỡ qua đường Neckline, hoặc khi giá đóng nến phía dưới điểm nách của vai phải.
- Giá có xu hướng pullback về đường viền cổ sau khi breakout, sau đó tiếp tục xu hướng giảm.
- Mức giảm tối đa của mô hình là 22% sau khi breakout.

Công thức theo Bulkowski:

Target giá = Giá phá vỡ - ((Giá đỉnh đầu – Giá đường cổ) x 55%)

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

43

6. HEAD AND SHOULDERS BOTTOMS VS HEAD AND SHOULDERS TOPS –

Vai Đầu Vai ngược và Vai đầu vai

HEAD AND SHOULDER TOP (V-D-V)



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

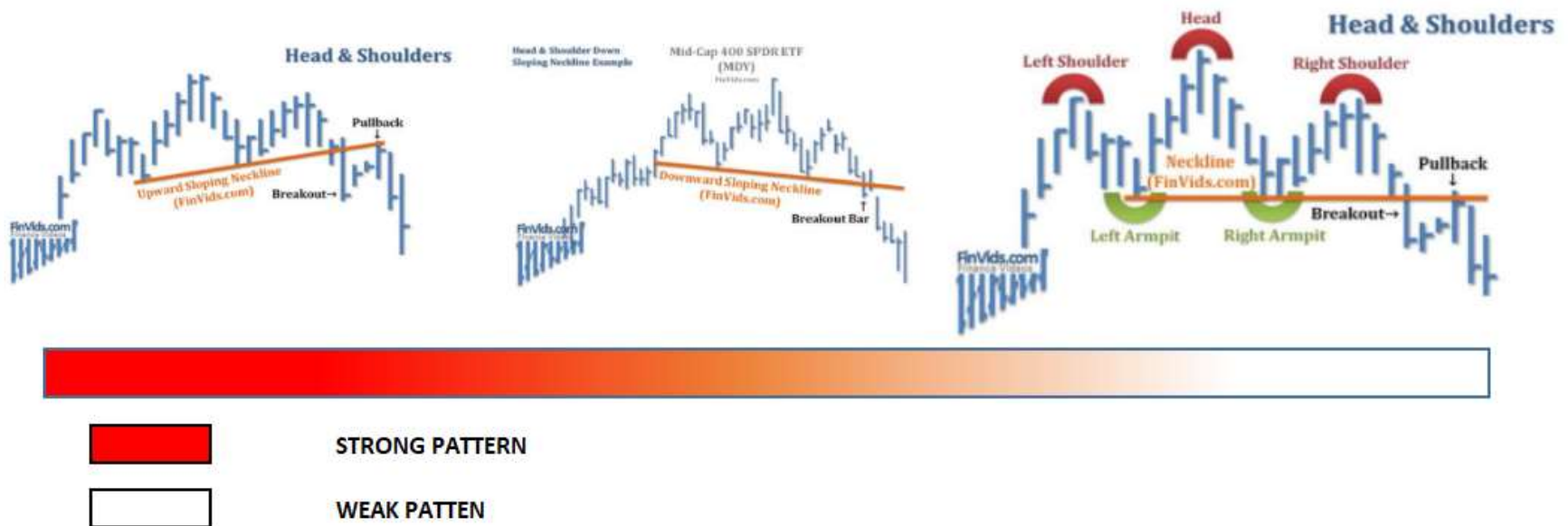
44

6. HEAD AND SHOULDERS BOTTOMS VS HEAD AND SHOULDERS TOPS –

Vai Đầu Vai ngược và Vai đầu vai

HEAD AND SHOULDER TOP (V-D-V)

Độ mạnh của các loại mô hình V-D-V

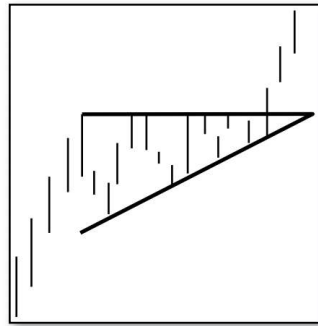


Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

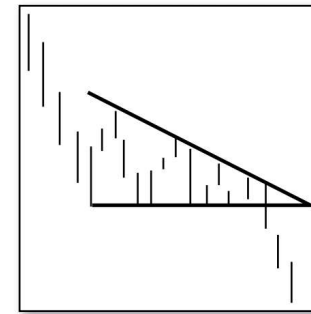
45

7. TRIANGLE ASCENDING / DECENDING– Tam giác tăng giá, giảm giá

Triangles, Ascending



Triangles, Descending

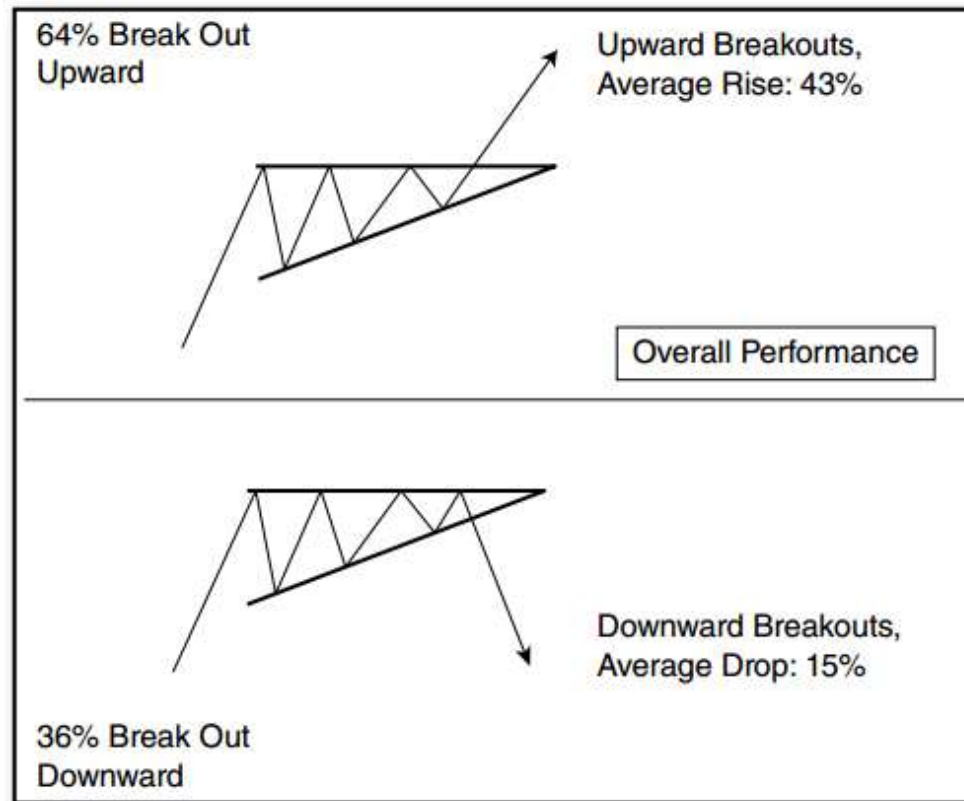


Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

46

7. TRIANGLE ASCENDING / DECENDING– Tam giác tăng giá, giảm giá

TRIANGLE ASCENDING



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

47

7. TRIANGLE ASCENDING / DECENDING– Tam giác tăng giá, giảm giá

TRIANGLE ASCENDING

- Là mô hình xuất hiện sau một xu hướng tăng.
- Phần đỉnh trong tam giác có xu hướng chếch lên hoặc đi ngang bằng phẳng tạo nên một đường trendline gần như đi ngang.
- Phần đáy trong tam giác có xu hướng hướng lên, các đáy sau cao dần đều.
- Giá phải chạm đường trendline ít nhất 5 lần. Trung bình 3 lần ở một cạnh tam giác và 2 lần ở cạnh còn lại.
- Khoảng trống trong vùng tam giác gọi là White Space, giá có xu hướng lấp đầy vùng White Space, bằng các xu hướng đảo chiều.
- **Giá phá vỡ cạnh tam giác trên hình thành điểm breakout lên trên.** Có mức tăng tối đa là 43% và xác suất breakout lên trên là 64%

Target giá = Giá cao nhất của tam giác + ((Giá cao nhất của tam giác – Giá thấp nhất của tam giác) x 75%)

- **Giá phá vỡ cạnh tam giác dưới hình thành điểm breakout xuống.** Có mức giảm tối đa là 15% và xác suất breakout xuống là 36%.

Target giá = Giá phá vỡ - ((Giá cao nhất của tam giác – Giá thấp nhất của tam giác) x 68%)

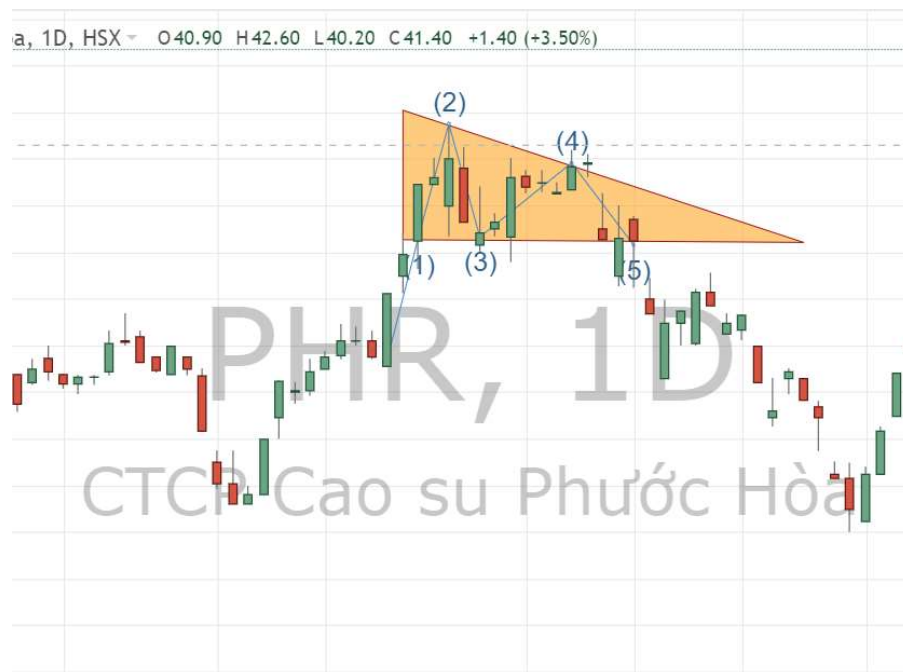
Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

48

7. TRIANGLE ASCENDING / DECENDING– Tam giác tăng giá, giảm giá

TRIANGLE ASCENDING

DUY NGUYEN

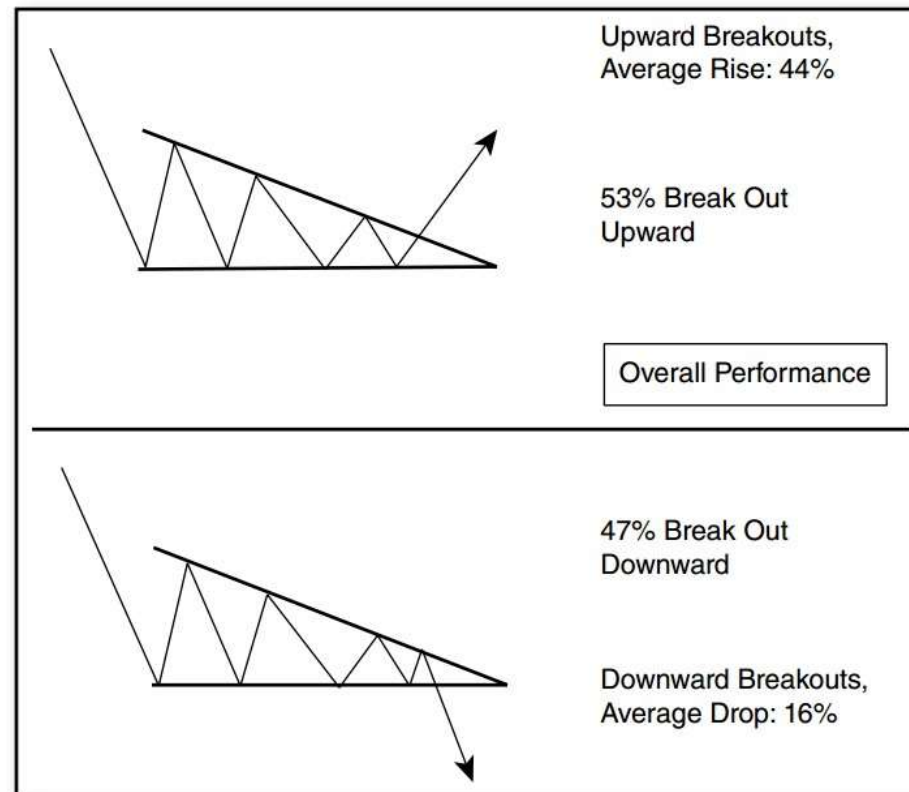


Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

49

7. TRIANGLE ASCENDING / DECENDING– Tam giác tăng giá, giảm giá

TRIANGLE DECENDING



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

50

7. TRIANGLE ASCENDING / DECENDING– Tam giác tăng giá, giảm giá

TRIANGLE DECENDING

- Là mô hình xuất hiện sau một xu hướng giảm
- Phần đỉnh trong tam giác có xu hướng đi xuống
- Phần đáy trong tam giác có xu hướng hướng chệch lên hoặc đi ngang.
- Giá phải chạm đường trendline ít nhất 5 lần. Trung bình 3 lần ở một cạnh tam giác và 2 lần ở cạnh còn lại.
- Khoảng trống trong vùng tam giác gọi là White Space, giá có xu hướng lấp đầy vùng White Space, bằng các xu hướng đảo chiều.
- **Giá phá vỡ cạnh tam giác trên** hình thành điểm breakout lên trên. Có mức tăng tối đa là 44% và xác suất breakout lên trên là 53%

Target giá = Giá phá vỡ + ((Giá cao nhất của tam giác – Giá thấp nhất của tam giác) x 84%)

- **Giá phá vỡ cạnh tam giác dưới** hình thành điểm breakout xuống. Có mức giảm tối đa là 16% và xác suất breakout xuống là 47%.

Target giá = Giá thấp nhất của tam giác – ((Giá cao nhất của tam giác – Giá thấp nhất của tam giác) x 54%)

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

51

7. TRIANGLE ASCENDING / DECENDING– Tam giác tăng giá, giảm giá

TRIANGLE DECENDING

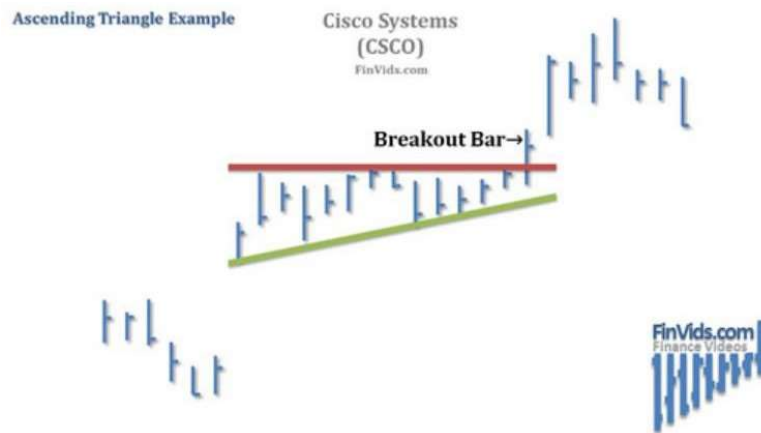


Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

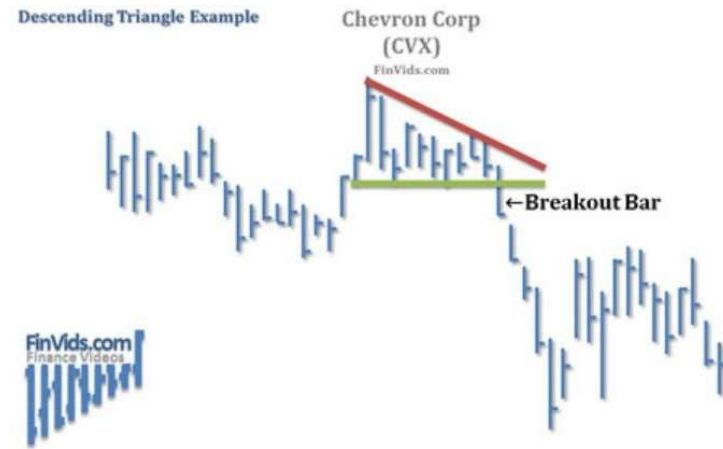
52

7. TRIANGLE ASCENDING / DECENDING– Tam giác tăng giá, giảm giá

TRIANGLE ASCENDING



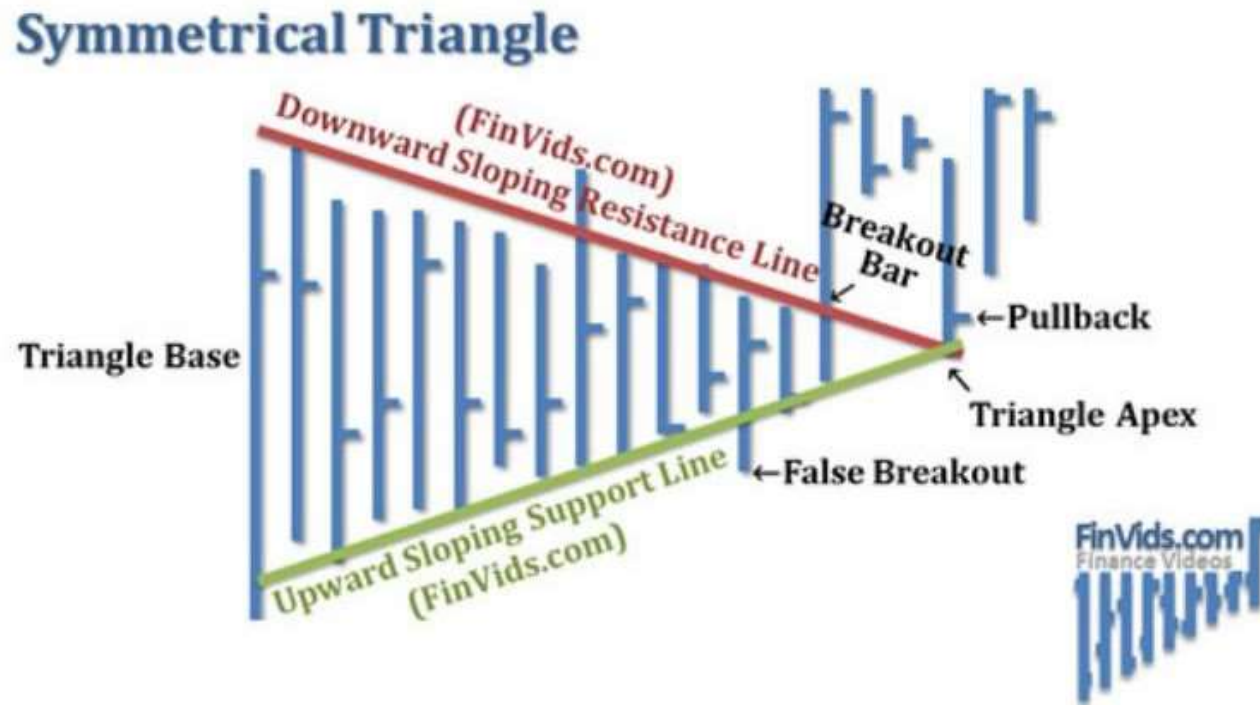
TRIANGLE DECENDING



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

53

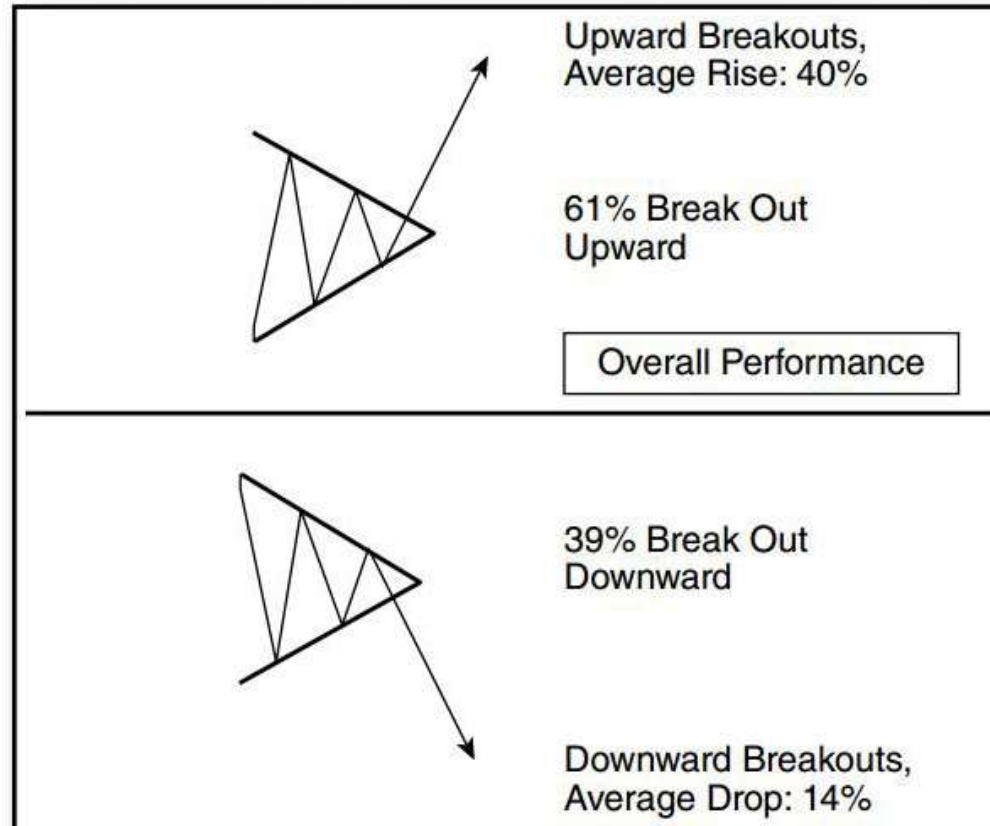
8. TRIANGLE SYMMETRICAL – Tam giác đối xứng



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

54

8. TRIANGLE SYMMETRICAL – Tam giác đối xứng



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

55

8. TRIANGLE SYMMETRICAL – Tam giác đối xứng

- Là mô hình có hình dạng như một tam giác cân. Có đường trendline kháng cự hướng xuống và trendline hỗ trợ hướng lên, sau đó chạm nhau hội tụ tại đỉnh tam giác.
- Giá phải có ít nhất 5 lần chạm các cạnh tam giác
- Phần trống White Space được lấp đầy bởi các xu hướng đảo chiều.
- Khối lượng giao dịch có xu hướng giảm dần tính từ thời điểm hình thành tam giác đến khi kết thúc tam giác.
- **Giá phá vỡ cạnh tam giác trên** hình thành điểm breakout lên trên. Có mức tăng tối đa là 40% và xác suất breakout lên trên là 61%

Target giá = Giá phá vỡ + ((Giá cao nhất của tam giác – Giá thấp nhất của tam giác) x 66%)

- **Giá phá vỡ cạnh tam giác dưới** hình thành điểm breakout xuống. Có mức giảm tối đa là 14% và xác suất breakout xuống là 39%.

Target Giá = Giá phá vỡ - ((Giá cao nhất của tam giác – Giá thấp nhất của tam giác) x 48%)

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

56

8. TRIANGLE SYMMETRICAL – Tam giác đối xứng

- Là mô hình có hình dạng như một tam giác cân. Có đường trendline kháng cự hướng xuống và trendline hỗ trợ hướng lên, sau đó chạm nhau hội tụ tại đỉnh tam giác.
- Giá phải có ít nhất 5 lần chạm các cạnh tam giác
- Phần trống White Space được lấp đầy bởi các xu hướng đảo chiều.
- Khối lượng giao dịch có xu hướng giảm dần tính từ thời điểm hình thành tam giác đến khi kết thúc tam giác.
- **Giá phá vỡ cạnh tam giác trên** hình thành điểm breakout lên trên. Có mức tăng tối đa là 40% và xác suất breakout lên trên là 61%

Target giá = Giá phá vỡ + ((Giá cao nhất của tam giác – Giá thấp nhất của tam giác) x 66%)

- **Giá phá vỡ cạnh tam giác dưới** hình thành điểm breakout xuống. Có mức giảm tối đa là 14% và xác suất breakout xuống là 39%.

Target Giá = Giá phá vỡ - ((Giá cao nhất của tam giác – Giá thấp nhất của tam giác) x 48%)

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

7. TRIANGLE SYMMETRICAL – Tam giác đối xứng

57

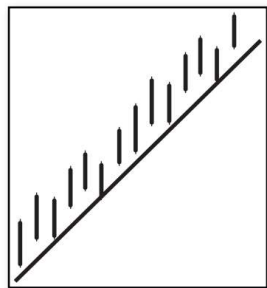


Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

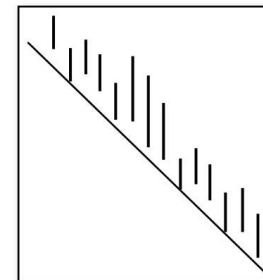
58

9. STRAIGHT LINE RUN UP/DOWN – Đường thẳng tăng giá và đường thẳng giảm giá

Straight-Line
Run Up



Straight-Line
Run Down



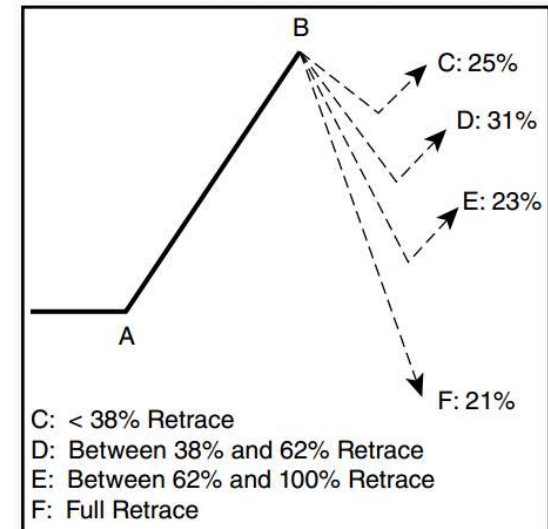
Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

59

9. STRAIGHT LINE RUN UP/DOWN – Đường thẳng tăng giá và đường thẳng giảm

a. Straight Line Run Up

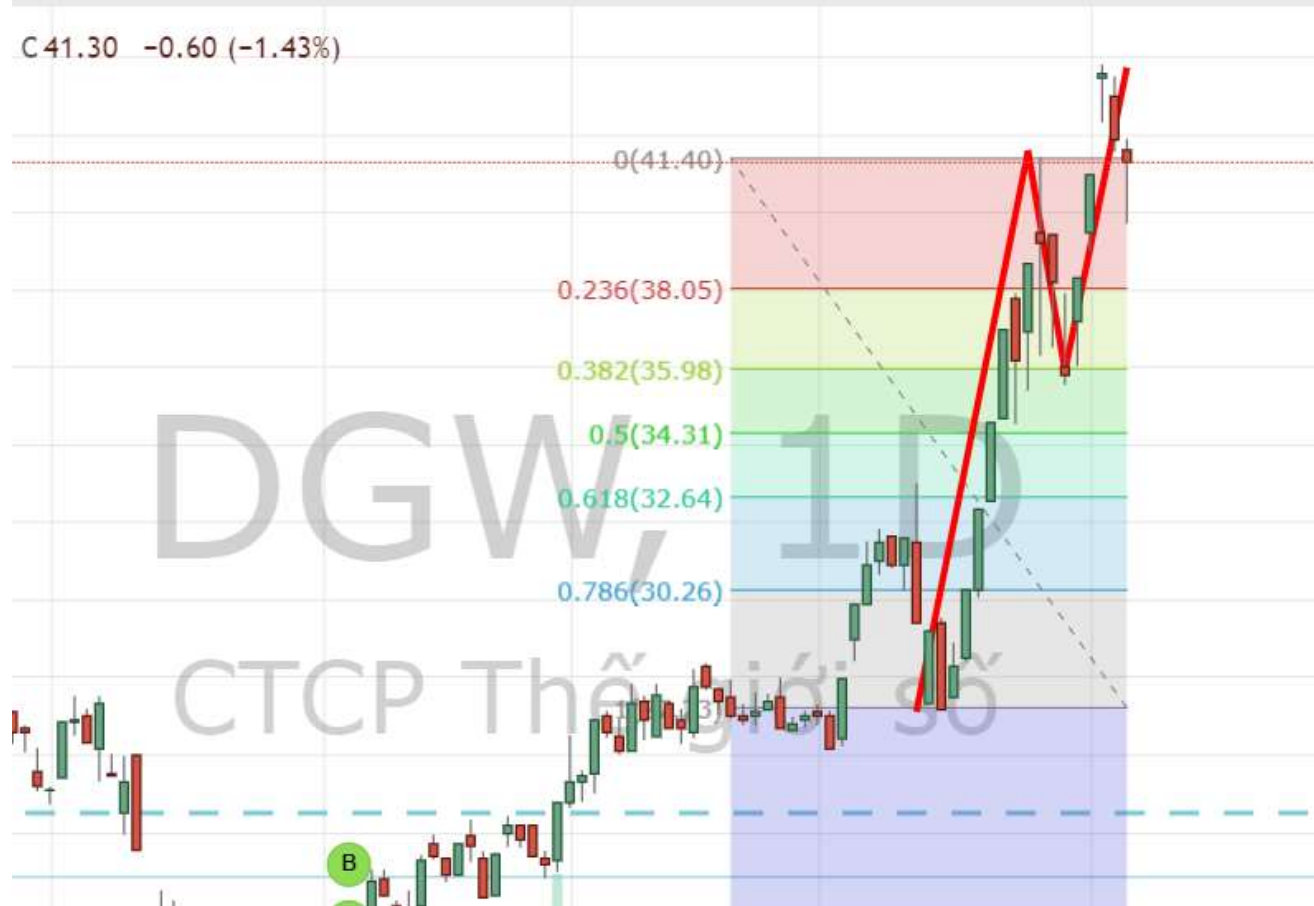
- Là mô hình thể hiện một xu hướng tăng dài. Đường trendline được hình thành nối thành một đường thẳng đi lên.
- Sau khi giá phá vỡ trendline, sẽ có các mức hiệu chỉnh theo các mức:
 - ✓ Mức 1: 25-38%
 - ✓ Mức 2: 38-62%
 - ✓ Mức 3: 62-100%
 - ✓ Mức 4: Giá thủng luôn điểm bắt đầu xu hướng tăng.
- Ở 3 mức đầu, sau khi giá hiệu chỉnh, giá sẽ tiếp tục xu hướng tăng trước đó. Nhưng ở mức 4, giá sẽ tiếp tục đi vào xu hướng giảm



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

60

9. STRAIGHT LINE RUN UP/DOWN – Đường thẳng tăng giá và đường thẳng giảm giá



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

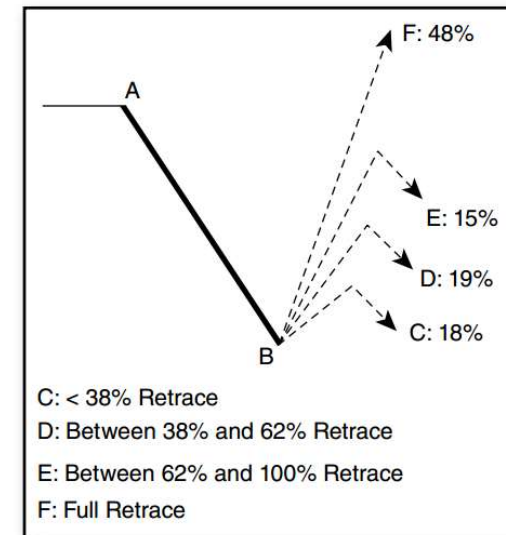
61

9. STRAIGHT LINE RUN UP/DOWN – Đường thẳng tăng giá và đường thẳng giảm giá

b. Straight Line Run Down

a. Cách sử dụng

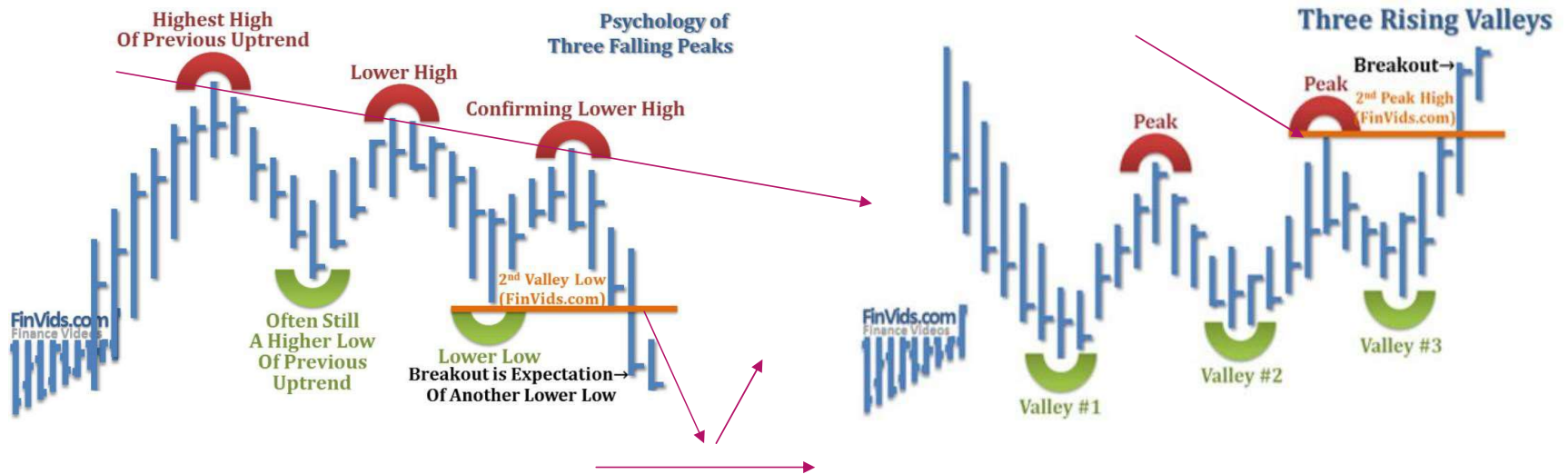
- Là mô hình thể hiện một xu hướng giảm dài. Đường trendline được hình thành nối thành một đường thẳng đi xuống.
- Sau khi giá phá vỡ trendline, sẽ có các mức hiệu chỉnh theo các mức:
 - ✓ Mức 1: Bé hơn 38%
 - ✓ Mức 2: 38-62%
 - ✓ Mức 3: 62-100%
 - ✓ Mức 4: Giá tăng vượt đỉnh A
- Ở 3 mức đầu, sau khi giá hiệu chỉnh, giá sẽ tiếp tục xu hướng giảm trước đó. Nhưng ở mức 4, giá sẽ tiếp tục đi vào xu hướng tăng.



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

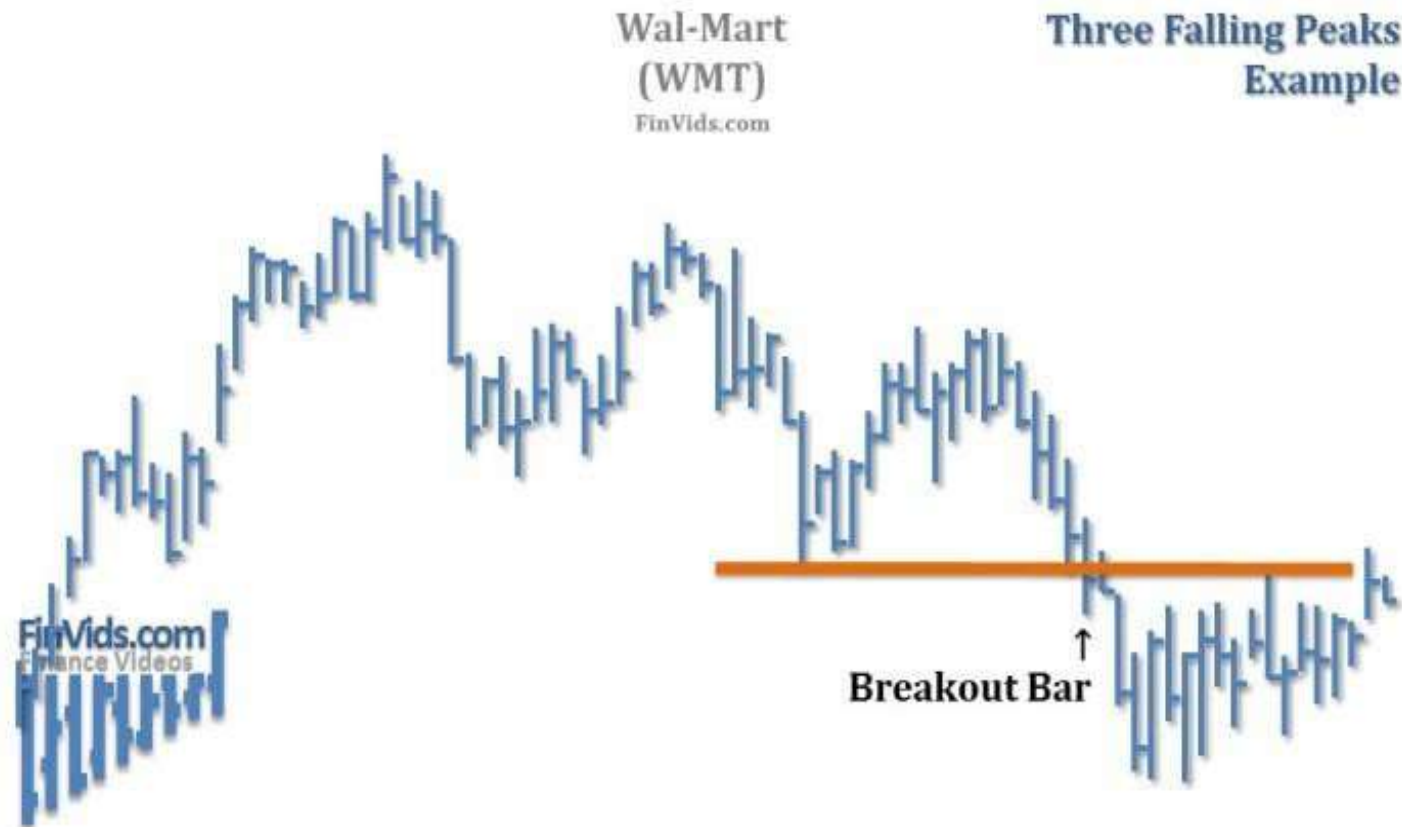
62

10.THREE FALLING PEAKS/ THREE RISING VALLEYS / 3 đỉnh giảm và 3 đáy tăng



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

63

10.THREE FALLING PEAKS/ THREE RISING VALLEYS / 3 đỉnh giảm và 3 đáy tăng

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

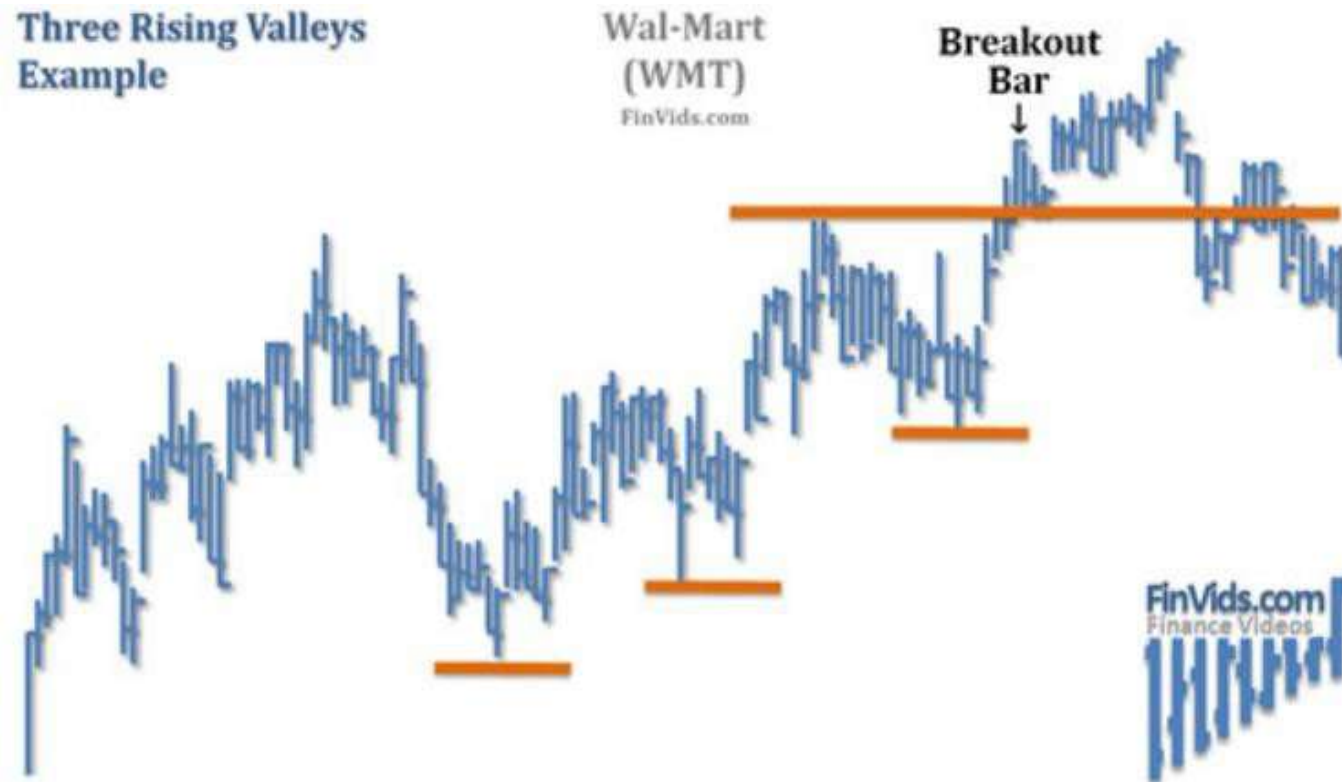
64

10.THREE FALLING PEAKS/ THREE RISING VALLEYS / 3 đỉnh giảm và 3 đáy tăng**a. Three Falling Peaks**

- Là mô hình đảo chiều xu hướng tăng trước đó.
- Mô hình có 3 đỉnh giảm dần đều. Và 2 đáy hình thành giữa 2 đỉnh liền kề.
- Đáy thứ 1 có giá thấp nhất cao hơn giá của xu hướng tăng trước đó.
- Đáy thứ 2 thấp hơn đáy thứ 1.
- Giá phá vỡ đáy thứ 2 hình thành tín hiệu bán.
- Giá có xu hướng pullback lại điểm breakout trước khi tiếp tục xu hướng giảm.
- Target giá: Giá thấp nhất của đáy thứ 2 – ((Giá cao nhất của đỉnh thứ nhất – Giá thấp nhất của đáy thứ 2) x 33%)

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

65

10.THREE FALLING PEAKS/ THREE RISING VALLEYS / 3 đỉnh giảm và 3 đáy tăng**b. Three Rising Valleys**

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

66

10.THREE FALLING PEAKS/ THREE RISING VALLEYS / 3 đỉnh giảm và 3 đáy tăng**b. Three Rising Valleys**

- Là mô hình đảo chiều xu hướng giảm trước đó.
- Mô hình có 3 đáy tăng dần đều. Và 2 đỉnh
- hình thành giữa 2 đáy liền kề.
- Đỉnh thứ 1 có giá cao nhất thấp hơn giá của xu hướng giảm trước đó.
- Đỉnh thứ 2 cao hơn đỉnh thứ 1.
- Giá phá vỡ đỉnh thứ 2 hình thành tín hiệu mua.
- Giá có xu hướng throwback lại điểm breakout trước khi tiếp tục xu tăng giảm.
- Target giá: $\text{Giá cao nhất ở đỉnh thứ 2} + ((\text{Giá cao nhất ở đỉnh thứ 2} - \text{Giá thấp nhất của đáy thứ nhất}) \times 58\%)$

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

67

10.THREE FALLING PEAKS/ THREE RISING VALLEYS / 3 đỉnh giảm và 3 đáy tăng

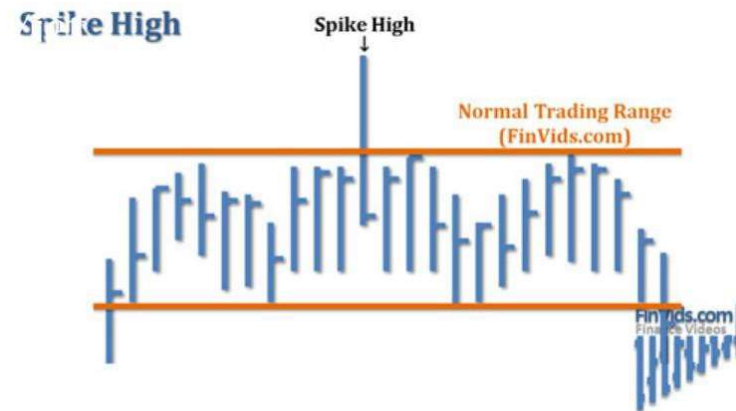
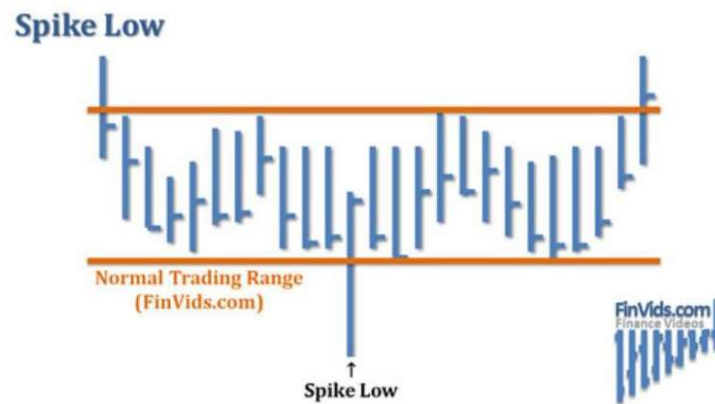
b. Three Rising Valleys



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

68

11. BULLISH/BEARISH SPIKE / Đỉnh tăng giảm giá



BÀI 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

69

11. BULLISH/BEARISH SPIKE / Định tăng giảm giá**a. Bullish Spike**

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

70

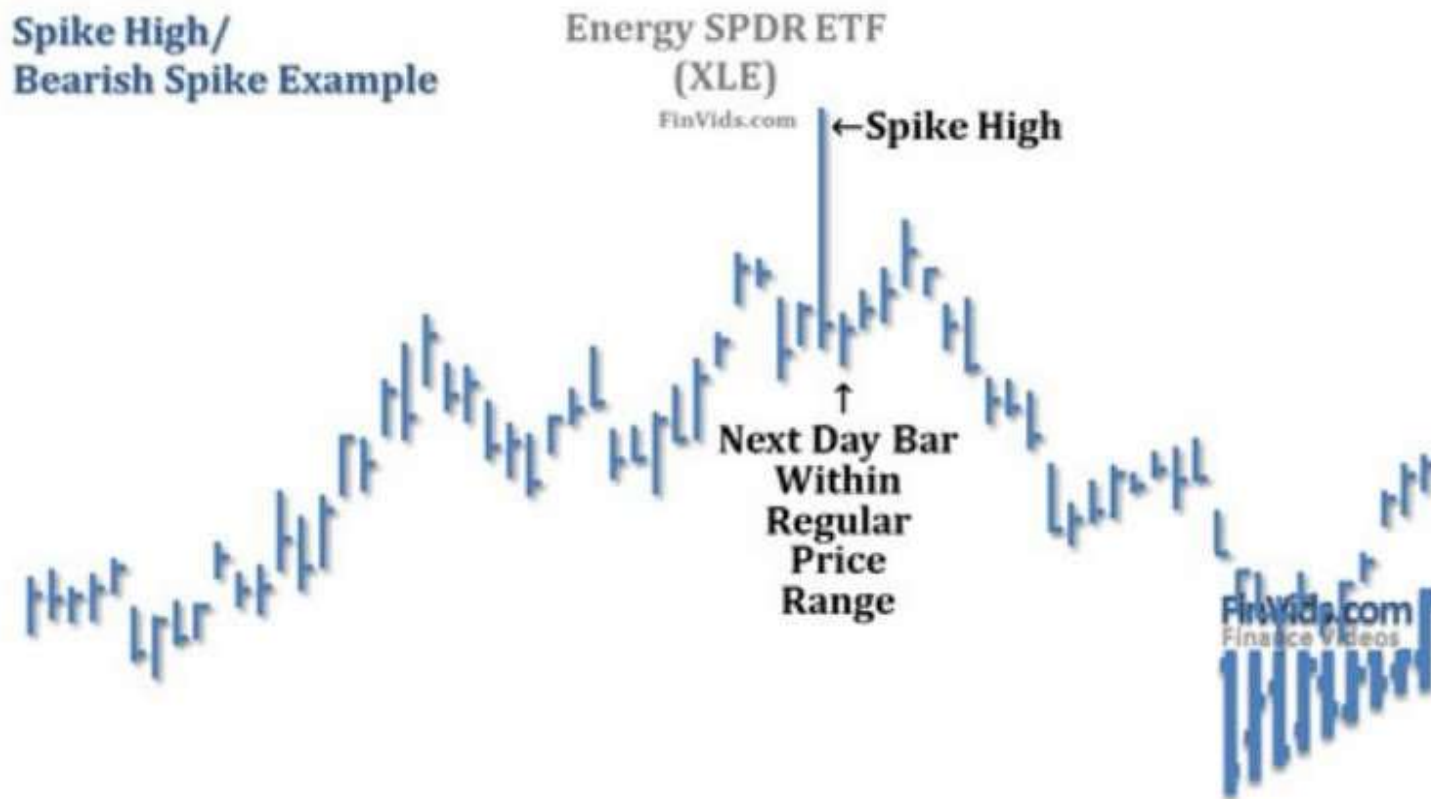
11. BULLISH/BEARISH SPIKE / Đỉnh tăng giảm giá**a. Bullish Spike**

- Mô hình đảo chiều tăng.
- Là mô hình có một nến Bullish dị thường vượt ngoài xu hướng trước đó. Và có giá đóng cửa gần với giá cao nhất của nến đó.
- Trước khi hình thành nến dị thường, là một kênh giá sideways hình thành sau một xu hướng giảm.



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

71

11. BULLISH/BEARISH SPIKE / Định tăng giảm giá**b. Bearish Spike**

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

72

11. BULLISH/BEARISH SPIKE / Đỉnh tăng giảm giá**b. Bearish Spike**

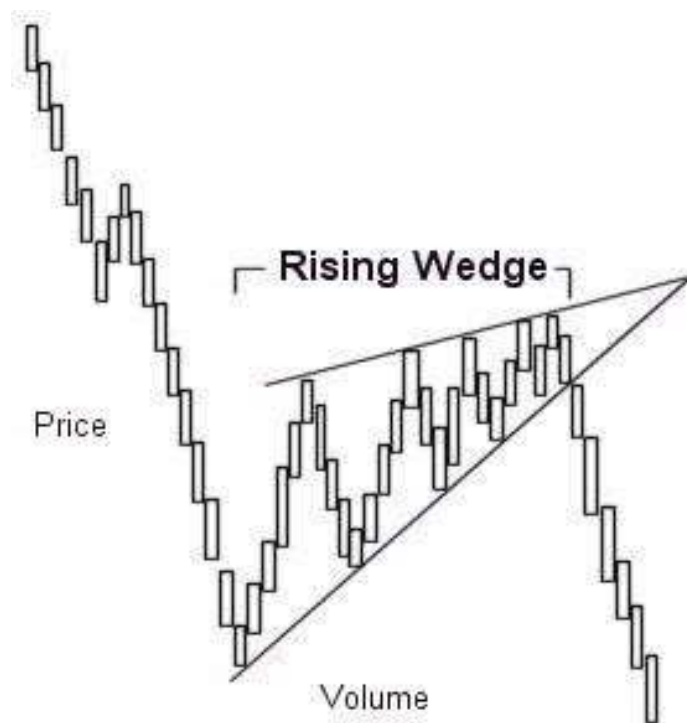
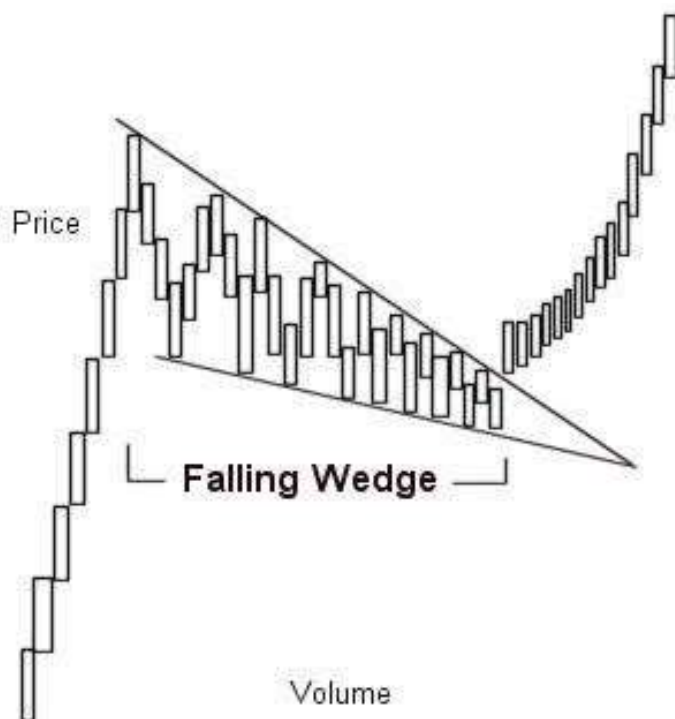
- Mô hình đảo chiều giảm.
- Là mô hình có một nến Bearish dị thường vượt ngoài xu hướng trước đó. Và có giá đóng cửa gần với giá thấp nhất của nến đó.
- Trước khi hình thành nến dị thường, là một kênh giá sideways hình thành sau một xu hướng tăng.



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

12. RISING/FALLING WEDGE / Nêm hướng lên, xuống

73

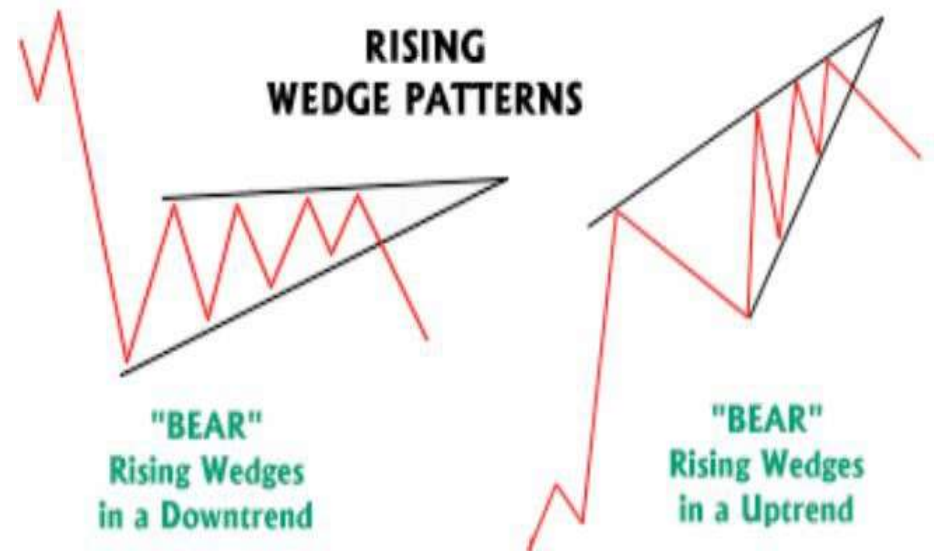


Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

74

12. RISING/FALLING WEDGE / Nêm hướng lên, xuống**a. Rising Wedge**

- Mô hình đảo chiều giảm.
- Xuất hiện sau khi kết thúc một xu hướng tăng mạnh giá sideway up với kênh giá đi lên, các đỉnh cao dần; Hoặc xuất hiện sau một xu hướng giảm mạnh, giá hồi phục đan xen với kênh giá đi lên, các đáy cao dần.
- Tạo các đáy sau cao hơn đáy trước, kênh giá hướng lên.
- Điểm breakout mô hình đảo chiều giảm tiếp sau khi giá thủng kênh giá bên dưới.



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

75

12. RISING/FALLING WEDGE / Nêm hướng lên, xuống

a. Rising Wedge

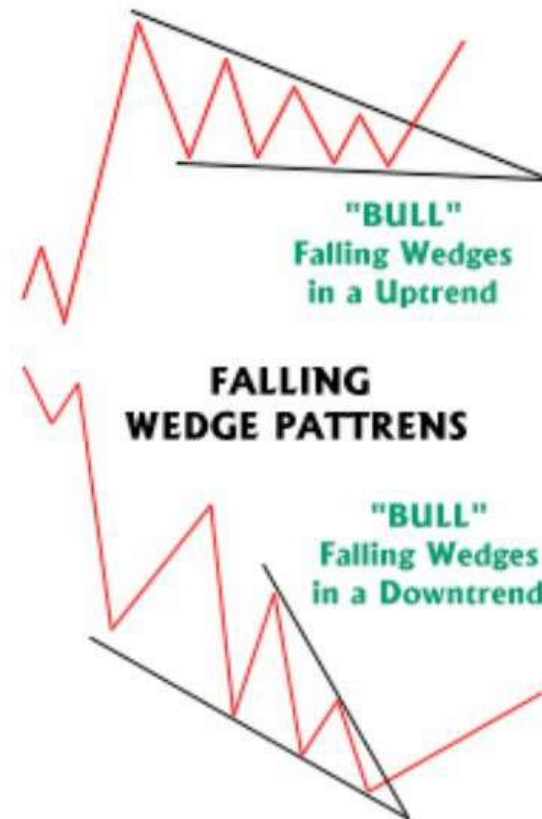


Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

76

12. RISING/FALLING WEDGE / Nêm hướng lên, xuống**b. Falling Wedge**

- Mô hình đảo chiều tăng.
- Xuất hiện sau khi kết thúc một xu hướng tăng mạnh giá có hiện tượng điều chỉnh đan xen với kênh giá đi xuống, các đỉnh thấp dần; Hoặc xuất hiện sau một xu hướng giảm mạnh, giá sideways down, các đỉnh thấp dần.
- Tạo các đỉnh sau thấp hơn đỉnh trước, kênh giá hướng xuống.
- Điểm breakout mô hình đảo chiều tăng tiếp sau khi giá vượt kênh giá bên trên.



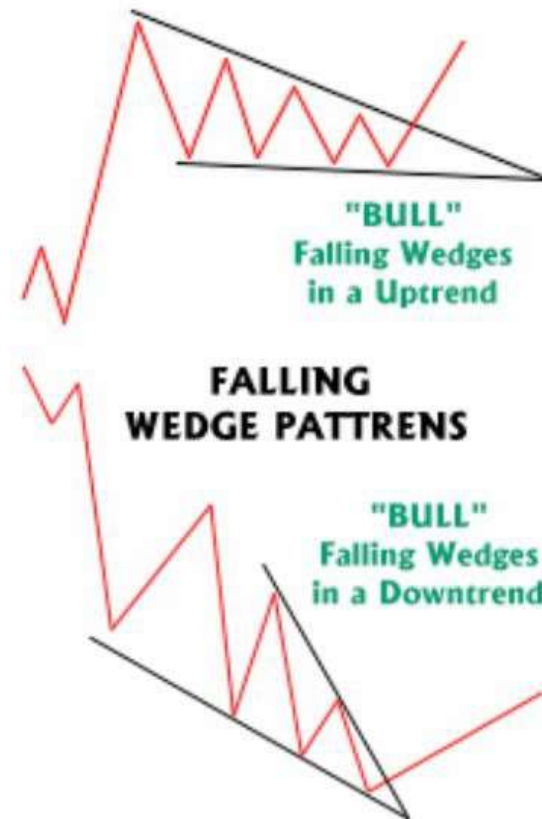
Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

12. RISING/FALLING WEDGE / Nêm hướng lên, xuống

77

b. Falling Wedge

- Mô hình đảo chiều tăng.
- Xuất hiện sau khi kết thúc một xu hướng tăng mạnh giá có hiện tượng điều chỉnh đan xen với kênh giá đi xuống, các đỉnh thấp dần; Hoặc xuất hiện sau một xu hướng giảm mạnh, giá sideways down, các đỉnh thấp dần.
- Tạo các đỉnh sau thấp hơn đỉnh trước, kênh giá hướng xuống.
- Điểm breakout mô hình đảo chiều tăng tiếp sau khi giá vượt kênh giá bên trên.



12. RISING/FALLING WEDGE / Nêm hướng lên, xuống

b. Falling Wedge

DUY NGUYEN

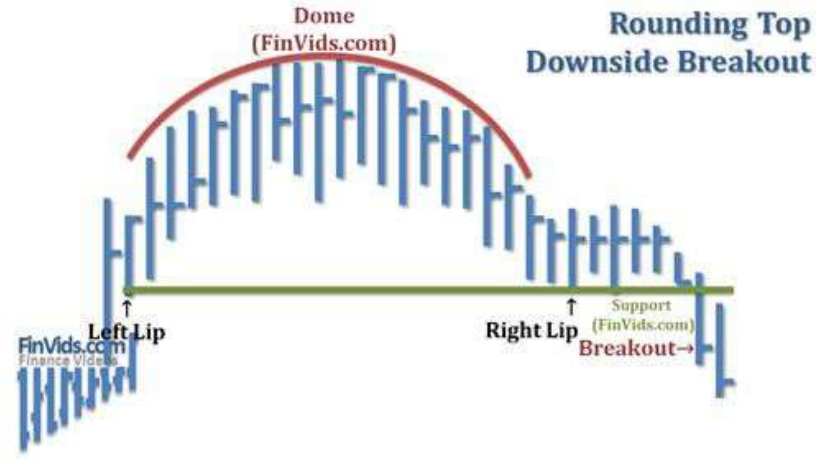
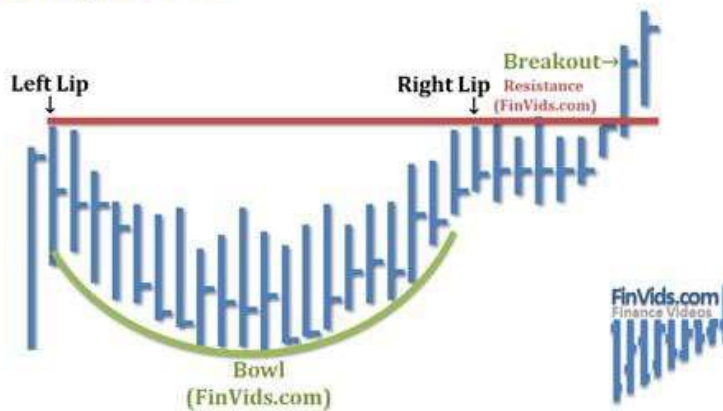


Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

13.ROUNDING BOTTOM/TOP / Vòng tròn đáy, vòng tròn đỉnh

79

Rounding Bottom



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

80

13.ROUNDING BOTTOM/TOP / Vòng tròn đáy, vòng tròn đỉnh

a. Rounding bottom

- Mô hình tăng giá
- Xuất hiện sau một xu hướng tăng, giá bắt đầu giảm lại, tích lũy theo đường vòng cung (phổ biến)
- Xuất hiện sau một xu hướng giảm, giá tích lũy hình vòng cung.
- Tích lũy càng lâu thì độ tăng giá càng mạnh.
- Đỉnh cao nhất của mô hình gọi là "Lip"-môi
- Điểm breakout xác nhận khi giá vượt khỏi Right Lip-môi phải
- Target giá được ước tính bằng khoảng cách giữa đỉnh môi và đáy của mô hình, cộng cho đỉnh vai phải.
- Công thức theo Bulkowski:

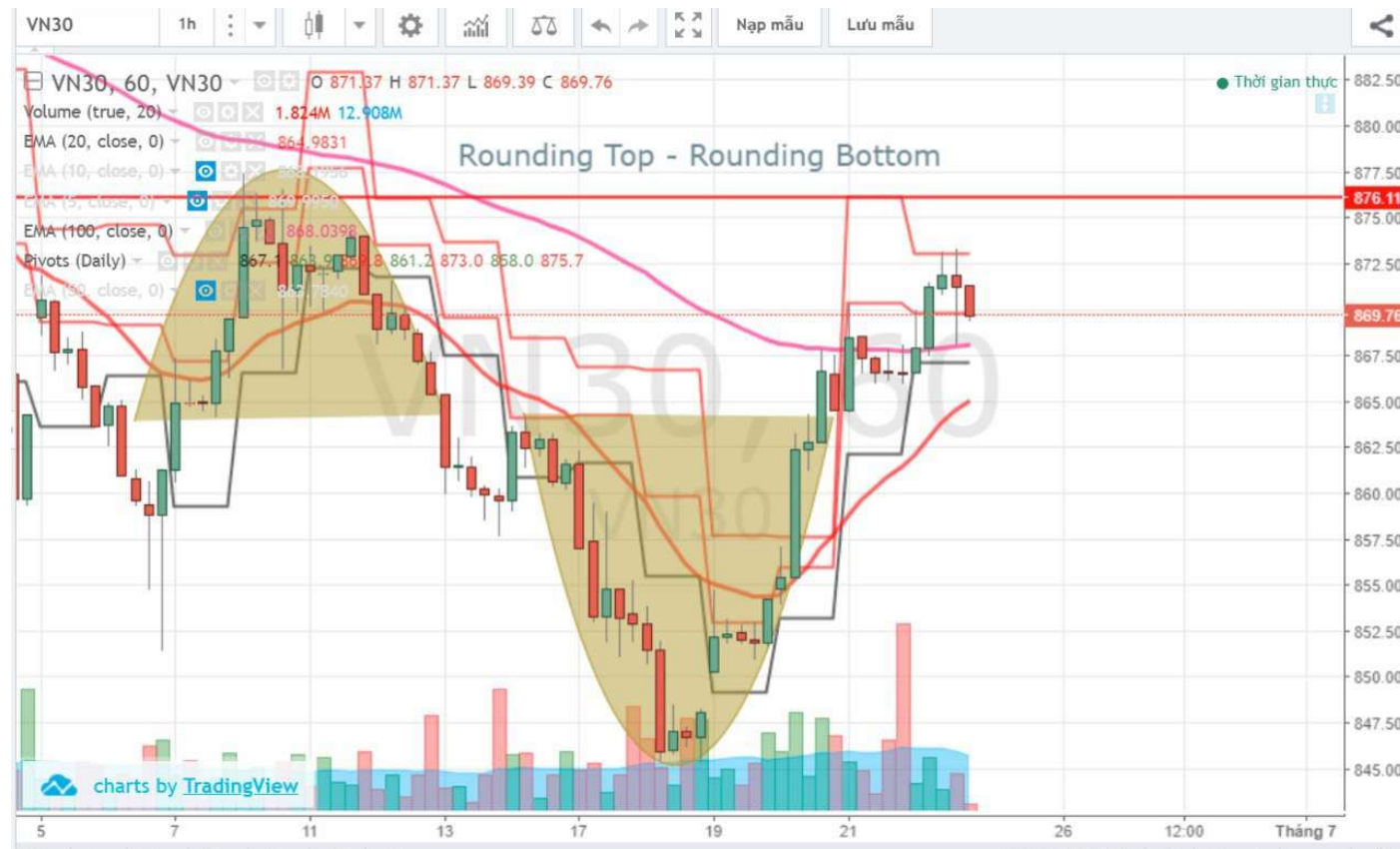
Rounding Bottom: Giá môi phải +((Giá môi phải – Giá đáy)*57%)

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

13.ROUNDING BOTTOM/TOP / Vòng tròn đáy, vòng tròn đỉnh

81

a. Rounding bottom



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

82

13.ROUNDING BOTTOM/TOP / Vòng tròn đáy, vòng tròn đỉnh

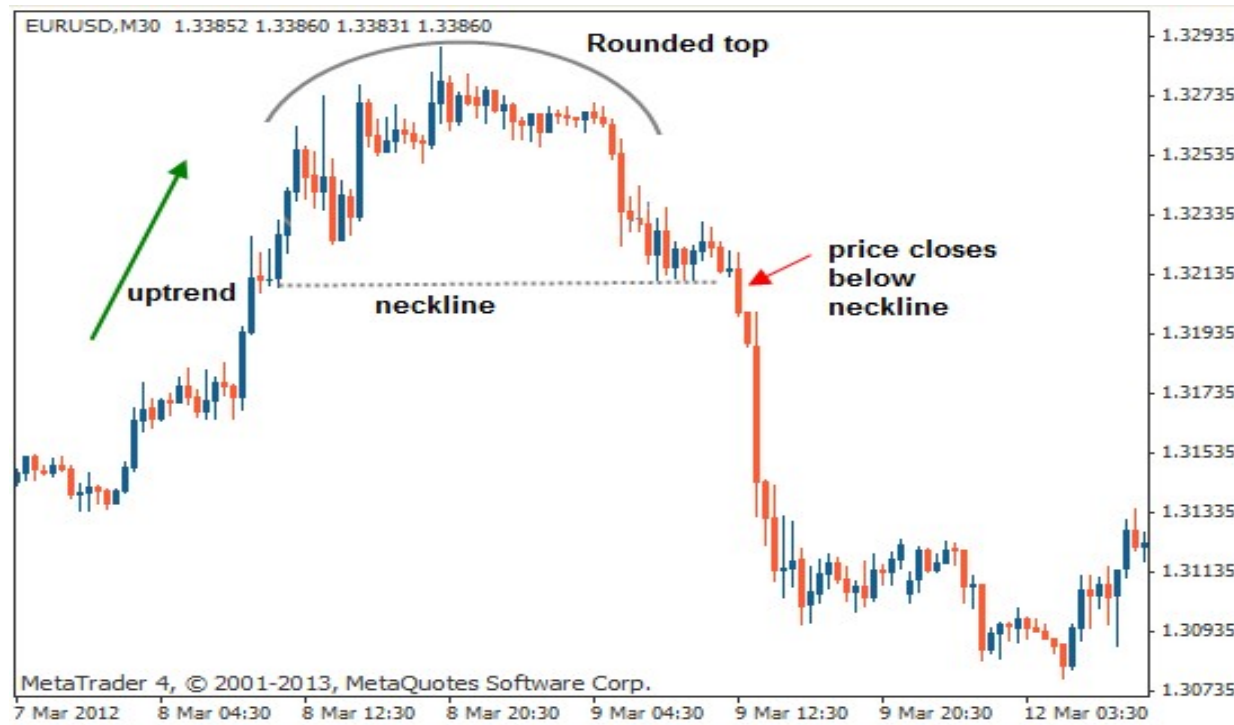
b. Rounding Top

- Mô hình giảm giá
- Xuất hiện trong xu hướng tăng, giá có hiện tượng tạo đỉnh sau đó đi theo đường vòng cung (phổ biến)
- Xuất hiện sau một xu hướng giảm, giá hồi phục trở lại theo đường vòng cung và tiếp tục phá đáy.
- Tích lũy càng lâu thì độ tăng giá càng mạnh.
- Đỉnh cao nhất của mô hình gọi là "Lip"-môi
- Điểm breakout xác nhận khi giá vượt khỏi Right Lip-môi phải
- Target giá được ước tính bằng cách lấy đáy mô hình trừ cho khoảng cách giữa đỉnh và đáy mô hình

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

13.ROUNDING BOTTOM/TOP / Vòng tròn đáy, vòng tròn đỉnh

83

b. Rounding Top

Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

13. ROUNDING BOTTOM/TOP / Vòng tròn đáy, vòng tròn đỉnh

84

b. Rounding Top



Bài 5 MÔ HÌNH VÀ GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH

85

13.ROUNDING BOTTOM/TOP / Vòng tròn đáy, vòng tròn đỉnh

b. Rounding Top

- Trong một số trường hợp. Rounding Top được chia thành 2 dạng là **"Rounding Top Breakout To Downside"-mô hình giảm**, và **"Rounding Top Breakout To Upside"-mô hình tăng**
- Điểm xác nhận một trong 2 mô hình là khi giá breakout đỉnh hoặc đáy của mô hình.

Công thức theo Bulkowski:

- **Rounding Top Upside Breakout:** $\text{Giá đỉnh} + ((\text{Giá đỉnh} - \text{Giá môi phải}) \times 61\%)$
- **Rounding Top Downside Breakout:** $\text{Giá môi phải} - ((\text{Giá đỉnh} - \text{Giá môi phải}) \times 24\%)$